

Số: 0 6 3 4 /CMV – BC

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO TẠI ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN
VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022**

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022
Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV-CTCP (sửa đổi) ban hành kèm theo quyết định số 106/QĐ-HĐQT ngày 22/4/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

Thực hiện chức trách nhiệm vụ HĐQT giao, Tổng giám đốc Tổng công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2021**

Năm 2021, đại dịch COVID-19 tiếp tục gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mọi quốc gia trên thế giới. Trong nước, làn sóng dịch COVID-19 bùng phát từ cuối tháng 4/2021 với biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, an toàn của người dân và phát triển kinh tế- xã hội, tăng trưởng GDP cả nước đạt 2,58%.

Dưới sự chỉ đạo giúp đỡ của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, thực hiện sự chỉ đạo thống nhất trong toàn hệ thống chính trị, cùng với sự đoàn kết nhất trí khắc phục mọi khó khăn, nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ và người lao động, Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP đã tích cực triển khai các giải pháp chủ động trong phòng chống dịch và tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ kép là **“Vừa phòng chống dịch bệnh Covid-19 – Vừa đảm bảo ổn định sản xuất kinh doanh hiệu quả”**, hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính năm 2021 như sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQ ĐHCĐ Năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ (%)
1	Các chỉ tiêu hiện vật				
+	Than nguyên khai	tấn	1.340.000	1.283.851	96

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQ ĐHCĐ Năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ (%)
+	Bóc đất đá	m ³	11.400.000	11.816.163	104
+	Than sạch sản xuất	tấn	1.516.000	1.563.834	103
+	Than tiêu thụ	tấn	1.516.000	1.561.452	103
2	Vốn điều lệ	Tr.đ	1.050.000	1.050.000	100
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	1.946.256	2.276.880	117
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	225.466	310.471	138
5	Nộp thuế TNDN	Tr.đ	44.838	58.733	131
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	180.628	251.738	139
7	Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ	%	≥ 12%	Dự kiến 16%	133
8	Đầu tư xây dựng	Tr.đ	157.418	163.693	104

Đất bóc hạch toán năm 2021 là 11.816.163 m³ bao gồm 11.417.342 m³ thực hiện năm 2021 và 398.821 m³ chuyển từ năm 2020.

2. Các giải pháp và công việc trọng tâm đã thực hiện trong năm 2021:

2.1. Công tác tổ chức điều hành sản xuất, quản lý kỹ thuật, chế biến và tiêu thụ:

2.1.1. Sản xuất và tiêu thụ than:

Năm 2021, công tác đền bù giải phóng mặt bằng cho sản xuất than tiếp tục gặp nhiều khó khăn, khai trường các đơn vị ngày càng tiến gần về khu dân cư nên quy mô bãi nổ nhỏ ảnh hưởng năng suất thiết bị, tuy nhiên các đơn vị trong Tổng công ty đã chủ động và linh hoạt trong công tác điều hành như:

- Công tác điều hành sản xuất đã bám sát các khâu then chốt, giải quyết kịp thời các vướng mắc trong sản xuất, nâng cao thời gian hoạt động hữu ích của các thiết bị.

- Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý kỹ thuật cơ bản, các giải pháp kỹ thuật công nghệ và tổ chức sản xuất phù hợp, sát thực tế, góp phần tăng năng suất của máy móc thiết bị, tiết kiệm chi phí sản xuất. Công tác khai thác và chế biến khoáng sản đáp ứng yêu cầu về chất lượng và số lượng cho nhà máy xi măng của Tổng công ty, các nhà máy nhiệt điện và các hộ tiêu thụ khác.

- Các đơn vị sản xuất than đã có nhiều biện pháp để khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên, tăng cường tuyển than sạch từ sản phẩm ngoài than (đất đá lẫn than, bã sàng lẫn than) nên khối lượng than tiêu thụ tăng với kế hoạch giao, góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.

2.1.2. Sản xuất và tiêu thụ xi măng:

Năm 2021 thị trường tiêu thụ xi măng trong nước vẫn diễn ra cạnh tranh gay gắt, sản xuất, tiêu thụ ảnh hưởng của giãn cách xã hội, song các đơn vị sản xuất xi măng đã chủ động, linh hoạt với các diễn biến của thị trường để có chính sách bán hàng phù hợp, qua đó đã giữ vững được các thị trường truyền thống và từng bước nâng sản lượng tiêu thụ tại các thị trường có giá bán cao. Sản lượng tiêu thụ xi măng và clinker của các đơn vị đạt 2.682.662 tấn, đây là năm có sản lượng tiêu thụ cao nhất từ trước tới nay. Giá bán xi măng cuối năm 2021 đã ngang bằng hoặc cao hơn với giá của các đối thủ trên từng vùng tiêu thụ. Đặc biệt giá bán tại vùng thị trường lõi của xi măng La Hiên tại thị trường tỉnh Thái

Nguyên, Bắc Cạn, Cao Bằng có mức giá cao hơn đối thủ tiềm năng là xi măng Quang Sơn.

Để tăng hiệu quả SXKD các đơn vị sản xuất xi măng đã tăng cường các giải pháp điều hành như: Sửa chữa và cải tạo tốt các thiết bị chính, vận hành dây chuyền liên tục, chất lượng clinker luôn ổn định, sử dụng các vật liệu sẵn có như đá thải sau tuyển nước và đất sét của Công ty than Khánh Hòa, tro bay, tro đáy, xỉ bông, xỉ phốt pho ... nên đã tăng được tỷ lệ phối trộn phụ gia đồng thời huy động tối đa công suất của từng công đoạn sản xuất nhằm hạn chế chạy thiết bị trong giờ cao điểm do đó đã tiết giảm chi phí sản xuất, giảm được giá thành so với kế hoạch. Nhờ việc tiếp tục áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, thực hiện các biện pháp cải tiến trong quản lý và sản xuất để nâng cao năng suất, tăng được sản lượng xi măng nên năm 2021 các Công ty sản xuất xi măng hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

2.1.3. Công tác cơ điện.

Các đơn vị thực hiện tốt công tác quản lý cơ điện như: Thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa thiết bị, quản lý tốt toàn bộ hồ sơ thiết bị, quy trình vận hành và quy trình an toàn cho thiết bị; làm tốt công tác kiểm tu, vệ sinh đầu ca, bàn giao ca...

Công tác sửa chữa thiết bị tại các đơn vị luôn được quan tâm, thực hiện các giải pháp sửa chữa thiết bị nhanh nhất, đảm bảo chất lượng và hạ giá thành sửa chữa, lập kế hoạch đưa thiết bị vào TĐT hàng tháng, tiến hành kiểm tu sớm, kiểm tra chặt chẽ nguồn gốc vật tư đầu vào. Xây dựng kế hoạch huy động thiết bị tại các đơn vị sản xuất than phù hợp với điều kiện thực tế từng đơn vị, phát huy năng lực thiết bị hiện có, góp phần hoàn thành vượt mức kế hoạch năm.

2.1.4. Công tác áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa:

Tổng công ty và các đơn vị đã tăng cường áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa trong sản xuất kinh doanh và quản lý cụ thể như sau: Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị trong Tổng công ty đã triển khai tin học hóa trong quản lý như: Số hóa lưu trữ tài liệu, quản lý nhân sự, phần mềm báo cáo thống kê nhanh và định kỳ, đầu tư cài đặt phần mềm kế toán hợp nhất, phần mềm giao ca online (các đơn vị sản xuất than), phần mềm văn phòng điện tử ... qua đó giúp cho việc quản lý và điều hành SXKD được nhanh chóng, chính xác và khoa học; Công ty than Khánh Hòa đã thực hiện xong công tác tự động hóa và điều khiển tập trung hệ thống cân than nguyên khai, trạm biến áp 35KV, hệ thống sàng tuyển than và hệ thống phun sương dập bụi; Công ty cổ phần xi măng Tân Quang đã tự động hóa hệ thống cân đá vôi tại mỏ đá Trảng Đà.

2.2. Công tác tái cơ cấu và công tác tổ chức nhân sự.

2.2.1. Công tác tái cơ cấu:

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch tái cơ cấu sắp xếp doanh nghiệp, mô hình tổ chức quản lý Công ty mẹ - Tổng công ty và các đơn vị theo Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2017÷2020 được Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam thông qua tại quyết định số 2195/QĐ - TKV ngày 11/12/2017, cụ thể như sau:

Tổng công ty đã xây dựng và triển khai thực hiện phương án thoái hết 51% vốn điều lệ của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng - VVMI theo đúng trình tự và quy định của pháp luật. Ngày 13/7/2021, Tổng công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng vốn (51% vốn điều lệ) theo phương thức

giao dịch khớp lệnh trên sàn Upcom. Số tiền chênh lệch thu được từ đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng – VVMI: 4.940.446.500 đồng.

- Tổng công ty đã xây dựng xong và trình TKV đề nghị thông qua Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2021-2025.

2.2.2. Công tác quản lý lao động và phát triển nguồn nhân lực:

- Tổng công ty tuyển dụng lao động theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt. Lao động tuyển mới chủ yếu thay thế lao động nghỉ hưu và chấm dứt hợp đồng lao động. Chất lượng và ngành nghề đào tạo của lao động tuyển mới cơ bản đảm bảo yêu cầu, đáp ứng kịp thời cho sản xuất, không tuyển dụng lao động chưa qua đào tạo vào làm việc tại các đơn vị.

- Các đơn vị trong Tổng công ty đã sửa đổi bổ sung Quy chế lao động tiền lương và thực hiện các nhóm giải pháp về thu hút người lao động có tài năng, tay nghề, trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao như ban hành các quy định về trả lương lũy tiến, trả lương giờ, trả lương gắn với công tác quản lý lao động (thợ lò), quy định về chế độ khuyến khích, đãi ngộ với lao động có tay nghề cao, trình độ chuyên môn kỹ thuật giỏi.

- Triển khai thực hiện rộng rãi trả lương theo hiệu quả công việc (KPI) trong toàn Tổng công ty theo chỉ đạo của Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Tổng số lao động của Toàn Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 3.498 người giảm tuyệt đối so với 01/01/2021 là 174 người.

2.3. Công tác bảo vệ môi trường, an toàn - vệ sinh lao động, an ninh trật tự:

- Về công tác bảo vệ môi trường: Được xác định là nhiệm vụ quan trọng, gắn liền với sự phát triển bền vững của Tổng công ty do đó luôn được Tổng công ty quan tâm chỉ đạo. Năm 2021, thực hiện các giải pháp và biện pháp bảo vệ môi trường như: tưới đường giảm bụi; trồng cây phủ xanh đất trống; chống cháy than; phun sương dập bụi; thu gom, xử lý chất thải nguy hại, chất thải thông thường, rác thải sinh hoạt; quan trắc môi trường. Vận hành các trạm xử lý nước thải nhiễm dầu, nước thải sinh hoạt, thường xuyên phối hợp với Công ty TNHH MTV Môi trường xử lý nước thải mỏ. Nước thải xử lý đạt quy chuẩn mới xả ra môi trường. Thực hiện xong các gói thầu của 02 phương án phục hồi môi trường cảnh quan mặt bằng sản xuất mức +32 mỏ Khánh Hòa và mặt bằng sân công nghiệp mức +98,+90, +31 mỏ Núi Hồng. Thực hiện kết nối, truyền dữ liệu quan trắc môi trường tự động khí thải về sở Tài Nguyên và Môi trường địa phương theo đúng quy định.

Tổng chi phí chi cho công tác môi trường trong hoạt động sản xuất than năm 2021 toàn Tổng công ty là 53,34 tỷ đồng (trong đó: Chi phí môi trường thường xuyên 4,08 tỷ đồng ; chi phí xử lý nước thải 39,75 tỷ đồng, chi phí phục hồi môi trường cảnh quan mặt bằng sản xuất mức +32 mỏ Khánh Hòa và mặt bằng sân công nghiệp mức +98,+90, +31 mỏ Núi Hồng: 9,5 tỷ đồng).

- Về công tác an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội: Tổng công ty và các công ty con, đơn vị trực thuộc đã phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương và cơ quan chức năng thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ được cấp phép khai thác.

- Về công tác an toàn vệ sinh lao động: Tổng giám đốc đã ký nghị quyết liên tịch với BTV Công đoàn Tổng công ty và Đoàn thanh niên về thực hiện công tác AT-VSLĐ năm 2021, các đơn vị đã quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc. Tuy nhiên năm 2021 Tổng công ty để xảy ra 04 vụ tai nạn lao động làm bị thương 03 người và 01 người chết. Tổng công ty và các đơn vị luôn thực hiện kịp thời các kiến nghị của các cơ quan có thẩm quyền trong công tác an toàn lao động.

2.4. Công tác đầu tư xây dựng:

Giá trị thực hiện đầu tư xây dựng năm 2021 đạt 163.693 tỷ đồng bằng 104% kế hoạch Đại hội đồng cổ đông năm 2020 thông qua. Năm 2021, hầu hết các mục tiêu đầu tư của Tổng công ty đề ra đều đã được thực hiện, thông qua đầu tư đã duy trì và tăng năng lực sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong tổng công ty như: Công ty than Na Dương đầu tư 01 máy khoan đường kính $\geq 160\text{mm}$, 05 xe Cat 773E ; Công ty than Khánh Hòa đầu tư 03 xe Cat 773E, 01 máy khoan đường kính $\geq 152\text{mm}$, 01 máy xúc TLGN dung tích gầu $\geq 4\text{m}^3$, 01 máy xúc lật dung tích gầu $\geq 3\text{m}^3$, 01 máy làm lớp xe ô tô ... Các dự án hoàn thành đã góp phần tăng cường năng lực sản xuất của các đơn vị, đảm bảo việc làm và thu nhập của người lao động.

2.5. Công tác quản trị chi phí giá thành, tài chính:

Năm 2021, hoạt động SXKD của Tổng công ty diễn ra trong bối cảnh chịu tác động mạnh của đại dịch Covid -19, Tổng công ty đã chỉ đạo các đơn vị quyết liệt triển khai các giải pháp để kiểm soát, phòng, chống dịch bệnh; đồng thời tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp trong tổ chức sản xuất kinh doanh, theo đó tập trung vào các nội dung cụ thể sau:

- Tiếp tục hoàn thiện công tác điều hành sản xuất – tiêu thụ phù hợp với tình hình thực tế vừa chống dịch vừa đảm bảo sản xuất kinh doanh thông suốt và hiệu quả. Chỉ đạo các đơn vị trong Tổng công ty bám sát diễn biến của thị trường, thực hiện nghiêm túc cơ chế điều hành kế hoạch năm 2021 mà Tổng công ty đã ban hành ngay từ đầu năm; thực hiện quyết liệt các nhóm giải pháp nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí như: Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, kỹ thuật cơ bản, an toàn, bảo vệ môi trường. Tổng công ty đã quán triệt sự chỉ đạo của Tập đoàn về điều hành sản xuất, thực hiện bám sát các chỉ tiêu kỹ thuật được giao, hạn chế thấp nhất các phát sinh làm tăng chi phí sản xuất; khuyến khích các đơn vị tăng hệ số thu hồi than sạch, nghiên cứu các giải pháp giảm cung độ vận tải và nâng cao chất lượng nổ mìn, giảm tỷ lệ nổ mìn, nhằm mục tiêu giảm chi phí giá thành.

- Thực hiện kiểm soát chặt chẽ chi phí khoán sản xuất kinh doanh, chú trọng các biện pháp tiết kiệm chi phí khoán như: hoàn thiện các định mức kinh tế kỹ thuật, đảm bảo cơ cấu và nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động và nâng cao năng suất thiết bị .

- Chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt công tác môi trường: xử lý nước thải mỏ, công tác chống bụi, quan trắc môi trường thường xuyên, xây dựng và thực hiện các phương án cải tạo phục hồi môi trường.

- Thực hiện mua sắm vật tư đúng quy định, đảm bảo chất lượng với giá cả cạnh tranh. Kiểm soát chặt chẽ việc mua sắm, sử dụng và tồn kho vật tư ở tất cả các đơn vị, kết quả đạt được trong năm 2021 là giá trị tồn kho vật tư toàn Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 2,08% thấp hơn quy định tồn kho của TKV \leq 4%.

- Tăng cường công tác kiểm soát hoạt động của các Công ty con, phối hợp trong công tác điều hành sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư.

- Nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Tổng công ty an toàn, hiệu quả.

- Tăng cường công tác quản trị rủi ro, kiểm soát rủi ro về công nợ, hàng tồn kho, tăng cường công tác tu hồi công nợ, nhằm giảm nợ và tăng hiệu quả của việc sử dụng vốn.

Năm 2021, Bộ máy điều hành Tổng công ty đã nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành và nêu cao vai trò trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông. Toàn thể cán bộ, công nhân viên đã đoàn kết nhất trí để vượt qua những khó khăn thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Tổng công ty đã đề ra.

Với điều kiện thực tế, năm 2022 Hội đồng quản trị và Bộ máy điều hành Tổng công ty xây dựng các chỉ tiêu SXKD cụ thể trình Đại hội như sau:

PHẦN THỨ HAI

MỤC TIÊU NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

1. Đặc điểm tình hình chung.

Năm 2022 là năm có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025. Dự báo tình hình quốc tế, trong nước có những thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine, cạnh tranh chiến lược giữa một số quốc gia diễn ra gay gắt, căng thẳng thương mại gia tăng và những tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 tiềm ẩn nhiều nguy cơ khủng hoảng về tài chính, tiền tệ, nợ công trên phạm vi toàn cầu. Đối với Tổng công ty thì ngoài các khó khăn trên sẽ tiếp tục gặp khó khăn trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí nhiên, nguyên liệu tăng nên đòi hỏi phải có các phương án chủ động hơn trong hoạt động SXKD.

Mục tiêu điều hành kế hoạch năm 2022 của Tổng công ty là: *Kiểm soát tốt dịch bệnh theo phương châm thích ứng an toàn, linh hoạt. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đảm bảo SXKD hiệu quả; chú trọng phát triển thị trường và đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm; không ngừng đổi mới, sáng tạo, áp dụng công nghệ mới tiên tiến, hiện đại nhằm tăng năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, tiết kiệm chi phí, đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất, an toàn môi trường, cải thiện điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động, đảm bảo tăng*

trường hợp lý, hiệu quả, bền vững. Thực hiện mục tiêu chung của TKV đề ra là: AN TOÀN- PHÁT TRIỂN- HIỆU QUẢ.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu về SXKD.

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022
	- Than nguyên khai	1000Tấn	1.435
	- Bóc đất đá	1000m ³	13.135
	- Than sạch sản xuất	1000Tấn	1.500
	- Than tiêu thụ	1000Tấn	1.500
2	Vốn điều lệ	Triệu đồng	1.050.000
3	Tổng doanh thu	"	1.948.582
4	Lợi nhuận trước thuế	"	155.798
5	Nộp thuế TNDN	"	24.913
6	Lợi nhuận sau thuế	"	130.885
8	Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ	%	≥ 9%
9	Đầu tư xây dựng	Triệu đồng	56.216

4. Các giải pháp thực hiện:

4.1 Đẩy mạnh sản xuất, tiêu thụ, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh:

- Đảm bảo nguồn than cung cấp đủ cho Công ty nhiệt điện Cao Ngạn, Na Dương và các Nhà máy xi măng La Hiên, Tân Quang, Quán Triều.

- Thực hiện tốt các chỉ tiêu công nghệ chủ yếu của sản xuất than theo kế hoạch giao: Hệ số bóc đất đá, cung độ vận chuyển đất đá và than nguyên khai, tỷ lệ đất đá phải nổ mìn, tỷ lệ thu hồi than sạch, tỷ lệ tổn thất tài nguyên và các chỉ tiêu công nghệ khác của sản xuất than.

Tất cả các đơn vị sản xuất than cần có các giải pháp hữu hiệu để tổ chức điều hành sản xuất hợp lý nhằm hạn chế tối đa khối lượng phát sinh ngoài kế hoạch, đưa than tồn về mức hợp lý đảm bảo cân đối tài chính cho năm 2022 và những năm tiếp theo.

- Tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện công nghệ sàng tuyển để nâng cao chất lượng than đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Tiếp tục đầu tư nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa vào sản xuất kinh doanh.

- Tích cực phối hợp với các địa phương để triển khai quyết liệt công tác đền bù giải phóng mặt bằng đáp ứng yêu cầu của sản xuất tại các đơn vị sản xuất than trên cơ sở đảm bảo hài hòa về lợi ích của Tổng công ty và các hộ dân tại địa phương thuộc diện thu hồi đất.

- Chỉ đạo người đại diện phần vốn và người đại diện của Tổng công ty tại các Công ty Cổ phần xi măng chỉ đạo các đơn vị xi măng đẩy mạnh công tác tiếp thị, quảng bá và bán hàng, phấn đấu hoàn thành vượt mức sản lượng tiêu thụ xi măng kế hoạch 2022. Điều hành sản xuất và tiêu thụ xi măng một cách linh hoạt, thích ứng với mức độ cạnh tranh trên thị trường trong từng thời điểm, đảm bảo

sản xuất phù hợp với tiến độ tiêu thụ. Các đơn vị cần tính toán mức tồn kho clinker, xi măng bột hợp lý phù hợp với kế hoạch dừng lò, hệ thống nghiền xi măng phục vụ sửa chữa cũng như đảm bảo đủ dự phòng khi có sự cố thiết bị.

4.2. Công tác thăm dò, khảo sát và bảo vệ môi trường.

- Phối hợp chặt chẽ với Công ty cổ phần địa chất Việt Bắc bám sát các cơ quan quản lý nhà nước để sớm được phê duyệt Báo cáo tổng hợp trữ lượng của đề án thăm dò mỏ than Núi Hồng nhằm phục vụ kịp thời cho công phát phát triển mỏ trong thời gian tới.

- Khẩn trương triển khai thực hiện việc thăm dò than phục vụ sản xuất, lập bản đồ nham thạch các mỏ than Khánh Hoà, Núi Hồng, Na Dương, quan trắc dịch động bãi thải, bờ trụ tại mỏ than Khánh Hoà, Na Dương theo kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2022 đã được Tập đoàn phê duyệt.

- Rà soát và hoàn tất các hồ sơ pháp lý trong công tác bảo vệ môi trường theo quy định, thực hiện nghiêm túc các giải pháp bảo vệ môi trường đã cam kết trong ĐTM được duyệt; Vận hành tốt các công trình bảo vệ môi trường không để xảy ra các sự cố môi trường. Tăng cường công tác quản lý chất thải nguy hại, chất thải sinh hoạt, tưới nước chống bụi, phun sương dập bụi, vệ sinh môi trường các khu vực mặt bằng sản xuất, mặt bằng sân công nghiệp, đường vận chuyển.

4.3. Nghiên cứu, đầu tư phát triển.

- Đẩy mạnh áp dụng công nghệ mới, cơ giới hóa, tin học hóa, tự động hóa vào tất cả các lĩnh vực của hoạt động sản xuất kinh doanh để tăng năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động và nâng cao hiệu quả SXKD.

- Tiếp tục nghiên cứu sử dụng đồng bộ thiết bị công suất lớn với tỷ lệ phù hợp. Hoàn thiện áp dụng công nghệ định vị toàn cầu GPS để quản lý, điều hành các khâu công nghệ xúc bốc, vận tải than và đất đá tại các mỏ lộ thiên.

- Tăng cường sàng tuyển chế biến than để nâng cao chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng hệ số thu hồi than, giảm chi phí vận chuyển than, đất đá thải; tự động hóa tối đa các công đoạn của khâu sàng tuyển than để giảm lực lượng lao động, nâng cao hiệu quả làm việc của thiết bị công nghệ.

- Phối hợp chặt chẽ với Viện khoa học công nghệ mỏ để đánh giá mức độ ổn định bờ trụ mỏ than Na Dương khi khai thác xuống sâu dưới mức +150 tại khu II làm cơ sở để điều chỉnh thiết kế khai thác tại khu vực này trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm cung cấp than ổn định và đảm bảo chất lượng cho Nhà máy nhiệt điện Na Dương I.

- Phối hợp với đơn vị tư vấn trình các cấp thẩm quyền phê duyệt dự án khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hòa (điều chỉnh). Thực hiện công tác chuẩn bị dự án nâng công suất mỏ Núi Hồng.

- Các đơn vị trong Tổng công ty tập trung triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch. Các công trình đầu tư mới phải tính toán kỹ hiệu quả, lập và phê duyệt đúng trình tự trước khi đầu tư và phải đảm bảo tiến độ huy động vốn, trả nợ, đảm bảo tài chính lành mạnh.

4.4. Quản lý công tác vật tư.

Tổng công ty và các đơn vị nghiêm túc thực hiện quy định của Nhà nước, của TKV và của Tổng công ty về quản lý và thực hiện công tác vật tư, gắn trách nhiệm trực tiếp của Thủ trưởng đơn vị, tập thể, cá nhân đối với việc thực hiện

công tác vật tư tại đơn vị mình. Sử dụng Bộ mã vật tư thống nhất trong TKV để quản lý theo số hóa, sử dụng có hiệu quả phần mềm quản lý vật tư, phần mềm quản lý thiết bị, hệ thống cấp đầu tự động nhằm đáp ứng tốt nhu cầu quản lý.

- Các đơn vị chủ động tăng cường quản lý vật tư trong tất cả các khâu từ khi lập kế hoạch nhu cầu cho đến khi sử dụng, thu hồi (nếu có). Vật tư, phụ tùng cho các thiết bị sản xuất than như máy xúc, khoan, san gạt, ô tô... phải ưu tiên mua của chính hãng trên cơ sở đảm bảo chất lượng, nguồn gốc xuất xứ với giá cạnh tranh, nghiên cứu, thử nghiệm sử dụng vật tư mới có chi phí thấp hơn vật tư truyền thống.

4.5. Tổ chức, nhân sự

4.5.1. Hoàn thiện mô hình tổ chức và đổi mới quản trị doanh nghiệp:

- Chỉ đạo các Công ty con, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện ngay các nội dung về tái cơ cấu quản trị nội bộ theo Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2021-2025 khi được Tập đoàn thông qua.

- Rà soát, bổ sung quy hoạch, đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2020-2025 và xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2025-2030 làm cơ sở theo dõi, đào tạo, chuẩn bị lực lượng cán bộ quản lý bền vững đáp ứng yêu cầu quản lý ngày càng cao.

4.5.2. Quản lý lao động.

- Tăng cường đào tạo, giáo dục ý thức, tác phong công nghiệp, lòng yêu nghề, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp bằng kỷ luật lao động và có chế độ đãi ngộ người lao động; thực hiện có hiệu quả các giải pháp tinh giản lao động.

- Tổ chức sản xuất, bố trí lao động làm việc, nghỉ ngơi hợp lý, thích ứng an toàn, linh hoạt với diễn biến dịch bệnh Covid-19 tùy theo từng giai đoạn.

- Tuyển dụng lao động chất lượng cao để thực hiện chương trình cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa và đổi mới, nâng cao chất lượng nhân sự của các lĩnh vực quản lý như kỹ thuật công nghệ, kỹ thuật cơ điện, quản trị chi phí, kế toán, kế hoạch, định mức lao động, thanh tra pháp chế .

- Thực hiện các giải pháp về thu nhập và tạo môi trường làm việc thuận lợi nhằm giữ chân, thu hút lao động công nghệ, lao động có tay nghề, có chuyên môn nghiệp vụ cao, cán bộ quản lý giỏi...

4.5.3. Tiền lương và thực hiện chế độ với người lao động.

- Ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động trên cơ sở cân đối tối đa nhân lực, thiết bị hiện có và dự kiến tăng thêm trong năm 2022. Kế hoạch điều hành hàng tháng phải bố trí tối đa sản lượng tự làm, phần thiếu mới bố trí thuê ngoài.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp về thu nhập để thu hút lao động có trình độ, tay nghề cao, không để chảy máu chất xám do tái cơ cấu. Kiểm soát chặt chẽ công tác quản lý quỹ tiền lương ở các Công ty và công tác trả lương cấp phân xưởng, trong đó mọi trường hợp vi phạm như gửi lương, thưởng đều phải xử lý ở mức độ nghiêm khắc nhất.

- Tiếp tục triển khai thực hiện trả lương, trả thưởng và các biện pháp kinh tế gắn với AT-VSLĐ và thực hiện trả lương theo hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (KPIs) .

4.5.4. Công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực.

- Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng tập trung đối với các chương trình đào tạo các chức danh, các chuyên đề trọng điểm; tối ưu hóa lợi thế của hình thức đào tạo trực tuyến, bài giảng điện tử đối với các chương trình phổ cập, bồi dưỡng kiến thức.

- Các đơn vị bám sát kế hoạch đào tạo và chịu trách nhiệm về nguồn nhân lực cho phát triển SXKD của đơn vị mình. Quan tâm đào tạo cán bộ quản lý các cấp, đội ngũ chuyên gia, lực lượng thợ lành nghề nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và quản trị doanh nghiệp theo hướng tiên tiến, hiện đại. Cải thiện điều kiện làm việc, ăn, ở, đi lại cho người lao động.

- Triển khai đồng bộ cơ chế khuyến khích người lao động phấn đấu học tập nâng cao trình độ và chế độ tiền lương kèm cặp truyền nghề.

4.6. Quản trị doanh nghiệp.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

- Xây dựng các giải pháp tiết kiệm chi phí, kiểm soát chặt chẽ chi phí từ đầu vào đến đầu ra ở tất cả các công đoạn sản xuất kinh doanh theo hướng phân cấp mạnh mẽ để các đơn vị chủ động trong mọi mặt của hoạt động SXKD, đề cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu.

Tổng công ty sẽ tăng cường kiểm tra việc quản trị, điều hành của các đơn vị để có những chỉ đạo phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả SXKD đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, của TKV và của Tổng công ty trong mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng mô hình tài chính dài hạn, huy động và sử dụng vốn cho các dự án theo kế hoạch, đúng mục đích, bám sát mô hình tài chính điều hành đảm bảo an toàn tài chính. Tăng cường công tác quản trị tài chính và quản trị rủi ro trong kinh doanh nhất là công tác quản lý công nợ phải thu khách hàng ở các đơn vị sản xuất xi măng và kinh doanh thương mại. Siết chặt quản lý thu nợ, dự trữ vật tư hợp lý, giảm dư nợ vay ngắn hạn; thực hiện nghiêm các quy định quản lý và xử lý nợ theo quy định. Tiếp tục mở rộng hình thức bù trừ nội bộ, giảm số lần luân chuyển vốn trong nội bộ Tổng công ty qua ngân hàng, giảm số dư cuối kỳ, tái cấu trúc các khoản vay.

- Đẩy mạnh công tác pháp chế doanh nghiệp, quản trị rủi ro, công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật đến người lao động nhằm tăng cường ý thức thực thi pháp luật và đảm bảo các hoạt động nằm trong khuôn khổ cho phép của pháp luật.

- Tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác tự kiểm tra, giám sát và thực hiện, tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi hoạt động SXKD nhằm chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện sơ hở, thiếu sót, không để sai phạm, gắn công tác kiểm tra, giám sát với công tác hướng dẫn, hỗ trợ các Công ty con, đơn vị trực thuộc.

- Đối với các Công ty cổ phần: Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng điều lệ của các Công ty. Tổng công ty thông báo các chỉ tiêu chính: Doanh thu, tiền lương bình quân, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu và tỷ lệ phần trăm (%) trả cổ tức cho các cổ đông.

- Chủ động giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh ngay tại đơn vị, không để xảy ra vụ việc phức tạp; tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí.

- Triển khai nghiên cứu phương án phát triển logistics, khai thác chuỗi giá trị gia tăng sau khai thác mỏ hướng đến việc chuyển đổi từ mô hình kinh tế tuyến tính sang mô hình kinh tế tuần hoàn để phát triển Tổng công ty bền vững.

4.7. Tăng cường hợp tác, phối hợp với các cơ quan tại địa phương đảm bảo sự phát triển hài hòa trên địa bàn; đặc biệt chủ động phối hợp tốt với cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng lấy diện khai thác và đổ thải, quản lý ranh giới mỏ, quản lý khai thác mỏ, quản lý khai thác, vận chuyển và kinh doanh than. ✓

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, Ban KS (egov);
- Tổng GD, các Phó TGD (egov);
- Các đơn vị, các phòng Tcty (egov);
- Lưu: VT, Thư ký TCT, KTKH (T.03)

4

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC



Trịnh Hồng Ngân

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022
Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 17/6/2020.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP (sửa đổi) ban hành theo quyết định số 106/QĐ – HĐQT ngày 22/4/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

Căn cứ Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP ban hành theo quyết định số 108/QĐ – HĐQT ngày 22/4/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty xin báo cáo ĐHĐCĐ kết quả hoạt động của HĐQT năm 2021, phương hướng hoạt động năm 2022 như sau:

Thông tin về Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ dự họp
1	Lê Quang Bình	Chủ tịch	48	100%
2	Trần Hải Bình	Thành viên – Tổng GĐ	48	100%
3	Đặng Văn Tùng	Thành viên chuyên trách	48	100%
4	Vũ Minh Tân	Thành viên – Phó TGD	48	100%
5	Trịnh Hồng Ngân	Thành viên – Phó TGD	48	100%

I. Kết quả hoạt động năm 2021.

1. Về tình hình chung :

- Năm 2021 Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ SXKD trong điều kiện tác động của đại dịch Covid -19 và nhiều khó khăn khác. Dưới sự chỉ đạo thống nhất trong hệ thống chính trị Tổng công ty và sự chỉ đạo, giúp đỡ của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, của chính quyền các địa phương nơi các đơn vị của Tổng công ty đóng trên địa bàn, tập thể người lao động Tổng công ty đã đoàn kết, khắc phục mọi khó khăn, tiết kiệm chi phí, thực hiện thắng lợi mục tiêu vừa đảm bảo phòng chống dịch bệnh vừa ổn định sản xuất kinh doanh. Tổng công ty đã hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

- Về khai thác và tiêu thụ than : Khai thác than đảm bảo an toàn, đáp ứng đủ nhu cầu than cho các nhà máy điện, xi măng và cung cấp cho thị trường.

- Về sản xuất, tiêu thụ xi măng: Các công ty xi măng của Tổng công ty đã tăng cường công tác quản lý và vận hành thiết bị, nâng cao được năng suất; bám sát thị trường tiêu thụ, làm tốt công tác tiếp thị thị trường, linh hoạt trong việc quyết định giá bán; thực hiện các giải pháp trong quản lý, điều hành để giảm chi phí và tăng hiệu quả trong SXKD. Năm 2021 sản lượng tiêu thụ xi măng đạt 2.682.662 /2.390.000 tấn = 112% kế hoạch.

- Các công ty sản xuất, kinh doanh khác: Đã có nhiều giải pháp thực hiện tiết kiệm chi phí nguyên, nhiên vật liệu, điện năng, chi phí quản lý v,v..... nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, tăng năng suất lao động và đảm bảo được hiệu quả SXKD .

2. Kết quả SXKD năm 2021:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	NQ ĐHCĐ Năm 2021	Thực hiện Năm 2021	Tỷ lệ (%) TH/KH
1	Các chỉ tiêu hiện vật				
	Than nguyên khai	Tấn	1.340.000	1.283.851	96
	Bóc đất đá	m ³	11.400.000	11.816.163	104
	Than sạch sản xuất	Tấn	1.516.000	1.563.834	103
	Than tiêu thụ	Tấn	1.516.000	1.561.452	103
2	Vốn điều lệ	Tr.đồng	1.050.000	1.050.000	100
3	Tổng doanh thu	"	1.946.256	2.276.880	117
4	Lợi nhuận trước thuế	"	225.466	310.471	138
5	Nộp thuế TNDN	"	44.838	64.817	131
6	Lợi nhuận sau thuế	"	180.628	251.738	139
7	Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ	%	≥12%	Dự kiến 16%	133
8	Đầu tư xây dựng	Tr.đồng	157.418	163.693	104

3. Hoạt động của HĐQT năm 2021:

3.1. Việc chấp hành pháp luật và Điều lệ tổ chức, hoạt động Tổng công ty:

- HĐQT thực hiện chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Tổng công ty, ban hành và triển khai thực hiện các nghị quyết tuân thủ theo đúng quy định.

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- Quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty và các cổ đông.

- Tổ chức các cuộc họp HĐQT định kỳ, bám sát nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cơ chế điều hành phối hợp SXKD của TKV; tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp. Tiến hành các cuộc họp đột xuất để giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý điều hành của Tổng công ty theo đúng thẩm quyền của HĐQT.

- Hội đồng quản trị căn cứ kế hoạch SXKD được Đại hội đồng cổ đông thông qua, giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và các quý trong năm, có kiểm điểm thực hiện kế hoạch với Bộ máy điều hành, đồng thời có các giải pháp để Tổng công ty vượt qua khó khăn, hoàn thành kế hoạch SXKD.

- Thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban Giám đốc điều hành trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Kiện toàn công tác tổ chức, công tác cán bộ từ Tổng công ty đến các đơn vị, bổ nhiệm các nhân sự thuộc thẩm quyền.

- Ban hành các nghị quyết chỉ đạo người đại diện của Tổng công ty tại các Công ty con là Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ. Tăng cường giám sát quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty thông qua người đại diện của Tổng công ty tại các doanh nghiệp.

- Có các giải pháp để tháo gỡ khó khăn cho các công ty con gặp khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ SXKD.

3.2. Ban hành các văn bản quản lý:

- Căn cứ quyền hạn được pháp luật và Điều lệ Tổng công ty quy định, trong năm 2021 HĐQT đã tổ chức họp 48 phiên, ban hành 237 nghị quyết, quyết định; rà soát, sửa đổi bổ sung, ban hành 16 quy chế .

3.3. Công tác tái cơ cấu Tổng công ty:

- Năm 2021, Tổng công ty đã thoái xong 51% vốn điều lệ tại Công ty CP Đầu tư xây dựng – VVMI theo đúng trình tự và quy định pháp luật vào ngày 13/7/2021 (Số tiền chênh lệch thu được từ đầu tư góp vốn của Tổng công ty vào Công ty CP Đầu tư xây dựng – VVMI là: 4.940.446.500 đồng.

- Đã xây dựng xong và báo cáo tập đoàn TKV phê duyệt điều chỉnh Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2021-2025.

3.4. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành Tổng công ty:

- Hội đồng quản trị thống nhất với báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Ban điều hành Tổng công ty.

- Ban điều hành Tổng công ty đã chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của HĐQT Tổng công ty; tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản VN.

- Đã có các giải pháp trong tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh, linh hoạt, kịp thời xử lý vướng mắc khó khăn trong quá trình sản xuất, tiết kiệm chi phí, đảm bảo an toàn, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động

- Đã tăng cường công tác kiểm soát hoạt động của các Công ty con, phối hợp trong công tác điều hành sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư.

- Các thành viên trong bộ máy điều hành đoàn kết, có sự phối hợp tốt trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Cụ thể:

- Tổng giám đốc:

+ Chấp hành nghiêm túc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của HĐQT Tổng công ty; tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

+ Triển khai nhiều biện pháp trong các lĩnh vực: Công tác quản lý, khoán quản chi phí, Công tác quản lý vật tư, cơ điện, Công tác tổ chức cán bộ, đào tạo và tuyển dụng LĐ, Công tác đầu tư xây dựng, Công tác quản lý tài chính, kế toán, thống kê, công tác tái cơ cấu và thoái vốnđể tiết giảm chi phí sản xuất, thực hành tiết kiệm qua đó hoàn tất các chỉ tiêu kế hoạch SXKD theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

- Phó Tổng giám đốc phụ trách cơ điện:

+ Bám sát điều kiện hoạt động của thiết bị và điều chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật phù hợp với điều kiện công nghệ của các mỏ. Đã có nhiều giải pháp nâng cao năng suất thiết bị sản xuất dây chuyền xi măng; tiến hành áp dụng nhiều các giải pháp áp dụng công nghệ tiên tiến nhằm giảm tiêu hao, tăng hiệu quả kinh doanh.

+ Quản lý công tác mua sắm vật tư và thực hiện mức tồn kho của các công ty con, đơn vị trực thuộc theo đúng quy định của Quy chế quản lý vật tư của TKV và của Tổng công ty.

- Phó Tổng giám đốc phụ trách ATVSLĐ, môi trường v.v...: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong quản lý điều hành các công tác AT-VSLĐ, công tác môi trường; quản lý công tác kỹ thuật sản xuất vỏ bao và lưới thép, công tác quản lý lao động tiền lương, định mức lao động, đào tạo, kèm cặp công nhân kỹ thuật, công tác bảo vệ, quân sự, công tác y tế, công tác điều dưỡng và ứng dụng công nghệ thông tin của Tổng công ty.

- Phó Tổng Giám đốc phụ trách kỹ thuật công nghệ:

+ Đã chỉ đạo, điều hành công tác kỹ thuật, công nghệ, bám sát thực tế sản xuất của các đơn vị, giúp Tổng giám đốc điều hành có hiệu quả nhiệm vụ bóc đất đá, nâng sản lượng than sạch và than tiêu thụ, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh và có sự chuẩn bị về sản lượng, khai trường sản xuất cho những năm tiếp theo,

+ Chỉ đạo công tác đầu tư xây dựng, công tác đền bù giải phóng mặt bằng, công tác xin cấp giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác mỏ... , chủ động trong quản lý điều hành lĩnh vực được phân công phụ trách.

- Phó Tổng Giám đốc phụ trách kỹ thuật VLXD: Được bổ nhiệm trong tháng 11/2021 đã nhanh chóng nắm bắt các yêu cầu trong công tác chỉ đạo sản xuất vật liệu xây dựng đặc biệt trong công tác sản xuất tiêu thụ xi măng và các nghiệp vụ khác được phân công.

- Kế toán trưởng (Trưởng phòng KTTCTK):

+ Tham mưu, tổ chức tốt công tác hạch toán kế toán, thống kê trong toàn Tổng công ty, kiểm soát cân đối các nguồn vốn, các khoản phải thu, phải trả, có nhiều giải pháp huy động vốn để phục vụ SXKD và các dự án đầu tư XDCB.

+ Kết hợp cùng các phòng ban chuyên môn Tổng công ty rà soát và chỉ đạo các đơn vị rà soát, quản trị chi phí SXKD, thực hiện tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả SXKD theo chủ trương của Tập đoàn, sự chỉ đạo của Tổng công ty.

+ Có biện pháp giảm các chỉ tiêu hàng tồn kho, tăng cường đôn đốc thu hồi công nợ để tăng vòng quay vốn lưu động, giảm dư vay ngắn hạn, giảm lãi vay trong giá thành, đạt các chỉ tiêu tài chính được TKV giao.

*** Đánh giá công tác quản lý điều hành năm 2021:** *Tổng công ty đã thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021; Sản xuất kinh doanh có lãi; Bảo đảm an toàn*

về vốn và tài sản, hoàn thành nghĩa vụ ngân sách với Nhà nước, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động

Tồn tại:

+ Trong năm để xảy ra 01 vụ tai nạn lao động chết người tại Công ty CP SXVLXD và KDTH –VVMi và 03 vụ TNLĐ nặng làm bị thương 03 người.

+ Kết quả sản xuất kinh doanh của công ty CP VLXD & KDTH chưa đạt theo kế hoạch đề ra do ảnh hưởng dịch bệnh làm cho giá bán và sức tiêu thụ giảm.

3.5. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của các Thành viên HĐQT:

3.5.1. Chủ tịch HĐQT - Lê Quang Bình:

- Là người đại diện phần vốn của TKV tại Tổng công ty đã chủ trì chỉ đạo chung việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP; Thực hiện đầy đủ theo phân công nhiệm vụ các Thành viên HĐQT tại quyết định số 145/QĐ - HĐQT ngày 01/6/2020 và Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị; Tuân thủ và các quy định hiện hành của Pháp luật, các quy định của TKV và của Tổng công ty.

- Đã chỉ đạo giám sát việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT bao gồm: Chiến lược phát triển; Cân đối các nguồn lực; Công tác tổ chức cán bộ; Các quy chế quản lý nội bộ (16 quy chế năm 2021); Công tác tiêu thụ sản phẩm, công tác quản lý mua bán vật tư, công tác đầu tư xây dựng; Công tác sản xuất xi măng v,v.....

- Năm 2021 đã chỉ đạo thoái xong 51% vốn điều lệ tại Công ty CP Đầu tư xây dựng – VVMi theo đúng trình tự và quy định pháp luật vào ngày 13/7/2021 (Số tiền chênh lệch thu được từ đầu tư góp vốn của Tổng công ty vào Công ty CP Đầu tư xây dựng – VVMi là: 4.940.446.500 đồng.

- Đã chỉ đạo người đại diện của Tổng công ty là Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại các Công ty có vốn đầu tư của Tổng công ty đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2021.

- Chỉ đạo bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện đúng quy chế, quy trình kiểm toán nội bộ đã ban hành .

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị phân công.

3.5.2 Thành viên HĐQT chuyên trách - Đặng Văn Tùng:

- Đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP; Thực hiện đầy đủ phân công nhiệm vụ các Thành viên HĐQT tại quyết định số 145/QĐ - HĐQT ngày 01/6/2020 và Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị; Tuân thủ và các quy định hiện hành của Pháp luật, các quy định của TKV và của Tổng công ty.

- Chủ trì giám sát, quản lý: Công tác kiểm soát nội bộ, tài chính – kế toán, kế hoạch sản xuất kinh doanh; Công tác kinh doanh thương mại, dịch vụ v,v.....

- Chỉ đạo giám sát việc triển khai nghị quyết, quyết định của HĐQT tại các Công ty, các Chi nhánh, các đơn vị liên doanh, liên kết. Theo dõi giám sát hoạt động SXKD theo nghị định 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ và quyết định số 44/ QĐ- HĐQT ngày 15/3/2017 đối với 02 công ty xi măng của Tổng công

ty, đó là: Công ty CP Xi măng Quán Triều - VVMI; Công ty CP Xi măng Tân Quang – VVMI (Công ty CP Xi măng La Hiên – VVMI đã ra khỏi diện giám sát tăng cường theo nghị quyết số 082/NQ-HĐQT ngày 31/3/2021 của HĐQT).

- Đóng góp hoàn thiện các Quy chế quản trị Tổng công ty, cùng HĐQT quản lý và giám sát hoạt động điều hành SXKD, góp phần trong việc thực hiện hoàn thành kế hoạch năm 2021.

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị phân công.

3.5.3 Thành viên HĐQT - Trần Hải Bình:

- Đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP; Thực hiện đầy đủ phân công nhiệm vụ các Thành viên HĐQT tại quyết định số 145/QĐ - HĐQT ngày 01/6/2020 và Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị; Tuân thủ và các quy định hiện hành của Pháp luật, các quy định của TKV và của Tổng công ty.

- Là đại diện pháp nhân của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP, thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc đã được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty và các Quy chế quản lý của Tổng công ty, các quy định hiện hành của Pháp luật, của TKV.

- Thực hiện các nhiệm vụ điều hành hoạt động SXKD của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP; Kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh giữa Tổng công ty với các Công ty con trong Tổng công ty theo các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị phân công.

3.5.4 Thành viên HĐQT - Vũ Minh Tân:

- Đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP; Thực hiện đầy đủ phân công nhiệm vụ các Thành viên HĐQT tại quyết định số 145/QĐ - HĐQT ngày 01/6/2020 và Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị; Tuân thủ và các quy định hiện hành của Pháp luật, các quy định của TKV và của Tổng công ty.

- Chủ trì giám sát, quản lý: Công tác đền bù giải phóng mặt bằng; Công tác khoán quản trị chi phí; Công tác an toàn, vệ sinh lao động;

- Theo dõi phân vốn tại các công ty cổ phần, công ty liên doanh, liên kết; đã chỉ đạo giám sát việc triển khai, thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT tại các Công ty: Công ty cổ phần Cơ khí và thiết bị áp lực – VVMI; Công ty cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI; Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng – VVMI; Công ty cổ phần Cơ khí mỏ Việt Bắc – VVMI; Công ty cổ phần Khách sạn Thái Nguyên - VVMI; Trung tâm Điều dưỡng ngành than - VVMI;- Công ty cổ phần Thiết bị khai thác mỏ; Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV; Hợp tác kinh doanh tòa nhà Coalimex tại 33 Tràng Thi – Hà Nội.

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị phân công.

3.5.5 Thành viên HĐQT Trịnh Hồng Ngân:

- Đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ

Việt Bắc TKV – CTCP; Thực hiện đầy đủ phân công nhiệm vụ các Thành viên HĐQT tại quyết định số 145/QĐ - HĐQT ngày 01/6/2020 và Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị; Tuân thủ và các quy định hiện hành của Pháp luật, các quy định của TKV và của Tổng công ty.

- Đã chủ trì giám sát, quản lý: Công tác kỹ thuật sản xuất khai thác, chế biến khoáng sản; Công tác chất lượng sản phẩm; Công tác an ninh trật tự, bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ; Công tác thăm dò, khảo sát địa chất.

- Chỉ đạo giám sát việc triển khai nghị quyết, quyết định của HĐQT tại các Công ty, chi nhánh: Công ty than Khánh Hòa - VVMI; Công ty than Na Dương - VVMI; Công ty than Núi Hồng - VVMI; Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và kinh doanh tổng hợp – VVMI.

- Chủ trì dự án điều chỉnh khai thác lộ thiên Công ty than Khánh Hòa và dự Mở rộng nâng công suất Công ty than Núi Hồng .

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị phân công.

*** Đánh giá chung:** Năm 2021, các thành viên HĐQT Tổng công ty đều hoàn thành nhiệm vụ được giao, đảm bảo lợi ích Tổng công ty và các cổ đông. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Tổng công ty thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn tồn tại: Hội đồng quản trị chưa lựa chọn bổ nhiệm được Thành viên HĐQT độc lập theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

3.6. Thù lao và các lợi ích của Hội đồng quản trị năm 2021:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tổng số tiền thù lao, lương năm 2021 (đ)	Bình quân tháng năm 2021 (đ)
1	Lê Quang Bình	Chủ tịch HĐQT	74 400 000	6 200 000
2	Trần Hải Bình	Thành viên HĐQT	649 800 000	54 150 000
3	Đặng Văn Tùng	TV HĐQT chuyên trách	526 500 000	43 875 000
3	Vũ Minh Tân	Thành viên HĐQT	591 300 000	49 275 000
4	Trịnh Hồng Ngân	Thành viên HĐQT	591 300 000	49 275 000

III. Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2022:

Năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid -19 vẫn còn diễn biến phức tạp do biến chủng mới Omicron. Tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty còn nhiều khó khăn trong khai thác than, khai thác đá, đổ thải, đền bù GPMB v,v..... Diện đổ thải Công ty than Khánh Hòa chật hẹp, chất lượng than Na Dương có độ tro (Ak) cao; các công ty sản xuất xi măng vẫn thiếu nguồn vốn và cạnh tranh thị trường tiêu thụ. Hội đồng quản trị Tổng công ty tập trung chỉ đạo:

1. Tổng công ty thực hiện mục tiêu phòng chống dịch Covid-19 và tổ chức sản xuất kinh doanh ổn định, đảm bảo an toàn trong quá trình sản xuất cho người và thiết bị; Sản xuất than và xi măng theo kế hoạch và đáp ứng nhu cầu thị trường.

2. Chỉ đạo Bộ máy điều hành thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022 và các lĩnh vực trong hoạt động sản xuất kinh doanh đúng theo các quy định của pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động Tổng công ty. Bộ máy điều hành căn cứ vào kế hoạch SXKD năm 2022, chủ động giải quyết khó khăn, vướng mắc trong thực hiện kế hoạch, với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022
	- Than nguyên khai	1000 Tấn	1.435
	- Bóc đất đá	1000 m ³	13.135
	- Than sạch sản xuất	1000 Tấn	1.500
	- Than tiêu thụ	1000 Tấn	1.500
2	Vốn điều lệ	Triệu đồng	1.050.000
3	Tổng doanh thu	"	1.948.582
4	Lợi nhuận trước thuế	"	155.798
5	Nộp thuế TNDN	"	24.913
6	Lợi nhuận sau thuế	"	130.885
8	Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ	%	≥ 9%
9	Đầu tư xây dựng	Triệu đồng	56.216

3. Ban hành các nghị quyết, quyết định trong việc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty:

- Chỉ đạo và giám sát Bộ máy điều hành thông qua các nhiệm vụ được giao theo các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành.

- Xây dựng, ban hành các quy chế, các nghị quyết, quyết định trong tất cả các lĩnh vực phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Đề nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 ủy quyền cho HĐQT chủ động điều chỉnh một số chỉ tiêu KH SXKD năm 2022 phù hợp với diễn biến thị trường.

4. Công tác khoán, quản trị chi phí :

- Hoàn thiện tổ chức, cơ chế quản lý, các định mức chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật. Tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả SX kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách với nhà nước, đảm bảo quyền lợi các cổ đông, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

- Tăng cường triển khai áp dụng công nghệ mới, cơ giới hóa, tin học hóa, tự động hóa trong tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Phối hợp với Ban kiểm soát Tổng công ty và Ban kiểm soát tại các Công ty con để giám sát hoạt động của các Công ty con, đơn vị trực thuộc.

5. Công tác tái cơ cấu Tổng công ty:

Triển khai Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2021-2025 khi được tập đoàn TKV thông qua, chỉ đạo các công ty con, đơn vị trực thuộc thực hiện tái cơ cấu nội bộ để tăng năng suất lao động, tăng năng lực cạnh tranh.

6. Công tác cán bộ :

- Căn cứ vào quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021 - 2025, tập trung đào tạo bồi dưỡng cho các cán bộ trong diện quy hoạch và phát hiện những cán bộ có năng lực để tiếp tục bổ sung vào quy hoạch, đảm bảo tính kế thừa, đủ số lượng chất lượng nguồn nhân lực cho sự phát triển của Tổng công ty.

- Tăng cường công tác đào tạo, luân chuyển cán bộ nhằm nâng cao chất lượng nhân sự và chuẩn bị nguồn nhân sự đáp ứng yêu cầu quản lý.

- Chú trọng đến công tác tổ chức bộ máy quản lý tinh giảm gọn nhẹ, tái cấu trúc lao động toàn Tổng công ty theo hướng tăng năng suất lao động.

7. Công tác Đầu tư phát triển

- Hoàn thiện điều chỉnh dự án khai thác lộ thiên mỏ than Khánh Hòa.

- Thực hiện công tác chuẩn bị dự án đầu tư mỏ Núi Hồng (phần sâu) để đưa vào khai thác từ năm 2024.

- Thực hiện đầu tư duy trì các mỏ than và đầu tư chiều sâu các nhà máy xi măng, cơ khí v.v.... theo kế hoạch năm 2022 và các năm tiếp theo để đáp ứng yêu cầu của sản xuất, phát huy hiệu quả vốn đã đầu tư.

- Thực hiện các phương án đền bù GPMB tại các mỏ than Na Dương, Núi Hồng, Khánh Hòa đúng tiến độ, đúng các quy định của Nhà nước.

8. Công tác kiểm toán nội bộ:

- Chỉ đạo bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện theo quy chế kiểm toán nội bộ đã ban hành nhằm đánh giá và nâng cao hiệu quả của các quy trình quản lý rủi ro, quy trình kiểm soát và quản trị để Tổng công ty đạt được mục tiêu trong SXKD.

Kính thưa các quý vị cổ đông, các quý vị Đại biểu !

Với những kết quả đạt được trong năm 2021, HĐQT Tổng công ty tiếp tục, tập trung chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, đưa ra các giải pháp phù hợp để hoàn thành các chỉ tiêu SXKD năm 2022.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, Ban KS (egov);
- Tổng GD, các Phó TGD (egov);
- Các đơn vị, các phòng Tcty (egov);
- Lưu: VT, Thư ký TCT, HĐQT (T.03)

g

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Quang Bình

Số: **0077**/TTr – HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt quyết toán tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14, thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP (sửa đổi) ban hành theo quyết định số 106/QĐ – HĐQT ngày 22/4/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP;

Căn cứ báo cáo quyết toán tài chính năm 2021 của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Hội đồng quản trị Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 phê duyệt quyết toán tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP như sau:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh:

TT	Nội dung	Số tiền (tr.đồng)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.276.880
2	Các khoản giảm trừ	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.276.880
4	Giá vốn hàng bán	1.786.629
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp DV	490.251
6	Doanh thu hoạt động tài chính	40.525
7	Chi phí tài chính	-11.292
	Trong đó: Lãi vay phải trả	26.683
8	Chi phí bán hàng	37.994
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	195.152
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh $(30=20+(21-22)+24-(25+26))$	308.922
11	Thu nhập khác	3.223
12	Chi phí khác	1.674

TT	Nội dung	Số tiền (tr.đồng)
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	1.549
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	310.471
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	64.817
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-6.084
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	251.738

2. Phương án phân phối lợi nhuận:

TT	Nội dung	ĐVT	Số tiền (tr.đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	361.325.843.312
	Trong đó: + Lợi nhuận năm trước chuyển sang	Đồng	109.588.003.948
	+ Lợi nhuận năm nay	Đồng	251.737.839.364
2	Lợi nhuận để lại chưa phân phối năm nay	Đồng	43.762.194.837
	Trong đó: Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tại ngày 31/12/2021	Đồng	16.433.634.804
3	Phương án trả cổ tức năm 2021		
3.1	Tỷ lệ trả cổ tức theo NQ ĐHCĐ đầu năm	%	≥ 12
3.2	Tỷ lệ trả cổ tức đơn vị đề nghị	%	16
3.3	Số tiền trả cổ tức	Đồng	168.000.000.000
4	Bù đắp các khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế (Nếu có)		
5	Lợi nhuận còn lại (5=1-2-3-4)	Đồng	149.563.648.475
a	Trích quỹ đầu tư phát triển	Đồng	108.397.752.994
b	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	40.730.111.106
b.1	Quỹ lương thực hiện năm 2021 của công ty	Đồng	244.380.666.633
b.2	Quỹ lương thực hiện bình quân 1 tháng của công ty	Đồng	20.365.055.553
+	Số lao động bình quân năm 2021	Người	1.854
+	Tiền lương bình quân năm 2021	đồng/ng/tháng	10.984.403
b.3	Số tháng lương được trích tối đa (3 tháng lương)	Tháng	2
b.4	Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (b4=b2*b3)	Đồng	40.730.111.106

TT	Nội dung	ĐVT	Số tiền (tr.đồng)
+	Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi/tháng lương bình quân	Tháng lương BQ	2
+	Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi/lao động bình quân	Đồng/người	21.968.776
c	Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp		
c.1	Quỹ lương thực hiện BQ 1 tháng của NQLDN năm 2021	Đồng	290.522.917
c.2	Số tháng lương được trích tối đa (1,5 tháng lương)	Tháng	1,5
c.3	Mức quỹ thưởng người quản lý DN (c3=c1*c2)	Đồng	435.784.375

3. Tài sản và nguồn vốn đến 31/12/2021:

Đơn vị: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ 31/12/2021	Số đầu kỳ 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	708.164.769.351	710.553.955.824
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	116.367.314.653	57.402.641.171
1. Tiền	111	26.367.314.653	6.502.641.171
2. Các khoản tương đương tiền	112	90.000.000.000	50.900.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	145.000.000.000	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	145.000.000.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	280.092.528.132	512.799.514.867
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	262.553.088.563	486.696.137.136
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3.526.777.412	4.634.754.249
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		15.560.006.640
6. Các khoản phải thu khác	136	14.282.662.157	6.214.200.542
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137	(270.000.000)	(305.583.700)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		
IV. Hàng tồn kho	140	150.229.202.684	138.413.504.900
1. Hàng tồn kho	141	150.229.202.684	138.413.504.900
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	16.475.723.882	1.938.294.886
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.249.743.618	519.067.957

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ 31/12/2021	Số đầu kỳ 01/01/2021
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	9.107.196.578	1.418.673.456
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	6.118.783.686	553.473
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200	1.485.454.314.047	1.326.739.922.028
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	93.840.261.647	86.949.438.370
6. Phải thu dài hạn khác	216	93.840.261.647	86.949.438.370
II. Tài sản cố định	220	366.242.816.828	283.584.467.672
1. TSCĐ hữu hình	221	359.744.841.697	276.985.149.912
- Nguyên giá	222	1.891.265.808.097	1.753.234.760.165
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(1.531.520.966.400)	(1.476.249.610.253)
3. TSCĐ vô hình	227	6.497.975.131	6.599.317.760
- Nguyên giá	228	8.695.847.586	8.278.747.586
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(2.197.872.455)	(1.679.429.826)
III. Bất động sản đầu tư	230	42.506.938.150	45.007.346.278
- Nguyên giá	231	61.738.874.427	61.738.874.427
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	(19.231.936.277)	(16.731.528.149)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	8.136.689.422	32.476.526.777
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		
2. Chi phí XDCB dở dang	242	8.136.689.422	32.476.526.777
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	489.835.853.997	456.958.948.428
1. Đầu tư vào công ty con	251	492.941.236.296	498.039.428.990
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	1.740.000.000	1.740.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16.607.900.000	16.607.900.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	(21.453.282.299)	(59.428.380.562)
V. Tài sản dài hạn khác	260	484.891.754.003	421.763.194.503
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	468.458.119.199	411.413.332.968
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16.433.634.804	10.349.861.535
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	2.193.619.083.398	2.037.293.877.852

NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối kỳ 31/12/2021	Số đầu kỳ 01/01/2021
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	618.138.072.746	566.207.098.613
I. Nợ ngắn hạn	310	310.182.509.658	341.082.195.742
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	59.139.239.055	53.691.054.653
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	42.141.317.650	74.160.907.038
4. Phải trả người lao động	314	127.259.746.699	132.544.326.844
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	10.476.636.984	1.497.295.390
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	15.909.098	128.409.085
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	5.869.967.591	6.048.851.666
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	32.064.197.154	44.761.481.573
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	3.805.988.687	2.745.446.467
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	29.409.506.740	25.504.423.026
II. Nợ dài hạn	330	307.955.563.088	225.124.902.871
7. Phải trả dài hạn khác	337		3.025.054.366
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	304.242.498.634	214.652.940.602
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	3.713.064.454	7.446.907.903
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	1.575.481.010.652	1.471.086.779.239
I. Vốn chủ sở hữu	410	1.575.481.010.652	1.471.086.779.239
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	1.050.000.000.000	1.050.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	1.050.000.000.000	1.050.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	164.155.167.340	91.191.174.359
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	361.325.843.312	329.895.604.880
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	109.588.003.948	86.682.294.943
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	251.737.839.364	243.213.309.937
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	2.193.619.083.398	2.037.293.877.852

4. Tiền lương chi trả của Tổng giám đốc người quản lý khác:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tổng số tiền lương được hưởng năm 2021 (đồng)	Tiền lương bq tháng năm 2021 (đồng)
1	Trần Hải Bình	Tổng giám đốc	585.000.000	48.750.000
2	Ngô Ngọc Sơn	Phó Tổng giám đốc	482.625.000	43.875.000
3	Vũ Minh Tân	Phó Tổng giám đốc	526.500.000	43.875.000
4	Đặng Văn Tùng	Thành viên HĐQT chuyên trách	526.500.000	43.875.000
5	Trịnh Hồng Ngân	Phó Tổng giám đốc	526.500.000	43.875.000
6	Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc	58.500.000	43.875.000
7	Lương Xuân Quang	Kế toán trưởng	243.750.000	40.625.000
8	Nguyễn Thị Lương Anh	Trưởng Ban KS	159.250.000	45.500.000
9	Lê Thị Thu Hiền	Trưởng Ban KS	377.650.000	45.500.000
	Tổng cộng		3.486.275.000	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, Ban KS (eOffice);
- Tổng GD, các Phó TGD (eOffice);
- Các đơn vị, các phòng Tcty (eOffice);
- Lưu: VT, KTTKTC, Thư ký TCT. (T.03)

Cy

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Quang Bình

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Số: 10 /BC-BKS

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Cơ sở căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP;
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP;
- Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2021 ngày 22/4/2021;
- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của ban kiểm soát và Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng công ty đã được Công ty Trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam thực hiện kiểm toán.

Ban kiểm soát Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông những nội dung sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu, thành phần Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên, trong đó 01 thành viên chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm cụ thể:

- | | |
|----------------------------|---------------------------------|
| ① Bà: Nguyễn Thị Lương Anh | Trưởng ban (đến ngày 22/4/2021) |
| ② Bà: Lê Thị Thu Hiền | Trưởng ban (từ ngày 22/4/2021) |
| ③ Bà: Nguyễn Thị Lịch | Thành viên |
| ④ Ông: Lê Xuân Ngợi | Thành viên |

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.

2.1. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong năm BKS đã tổ chức 7 cuộc họp để phân công nhiệm vụ cho các thành viên, xây dựng kế hoạch công tác và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị của Tổng công ty, cụ thể:

TT	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Thị Lương Anh	01	14,3%	100%	Không còn là TBKS
2	Lê Thị Thu Hiền	06	85,7%	100%	Khi chưa là TBKS
3	Lê Xuân Ngợi	07	100%	100%	
4	Nguyễn Thị Lịch	07	100%	100%	

Các thành viên trong Ban kiểm soát đều tham gia đầy đủ các cuộc họp. Nội dung các cuộc họp đã được các thành viên nhất trí thông qua với tỷ lệ 100%.

2.2. Các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.

Qua kết quả kiểm tra giám sát của BKS, ý kiến của các thành viên đều được chuyển đến Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban điều hành bằng hình thức gửi báo cáo, đề xuất ý kiến tại các phiên họp HĐQT và văn bản kiến nghị/khuyến nghị trực tiếp.

3. Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể:

Năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty thành viên tiếp tục chịu ảnh hưởng bởi tình hình dịch bệnh COVID-19 phức tạp và chỉ thị giãn cách xã hội theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại một số địa phương. Trong năm, tùy theo tình hình dịch bệnh cụ thể ở từng địa phương, BKS đã tiến hành việc kiểm tra, giám sát theo hình thức trực tiếp và gián tiếp các mặt hoạt động theo kế hoạch đã đề ra cho năm 2021.

Việc kiểm tra giám sát theo các nội dung được thông qua tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021; các quy định trong Điều lệ của Tổng công ty, quy định của Pháp luật. BKS đã thực hiện đầy đủ các chức trách, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị, điều hành và các hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, cụ thể như sau:

3.1. Giám sát việc chấp hành Điều lệ, triển khai thực hiện các nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua. Tham gia các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành của Tổng công ty để nắm bắt sát sao tình hình hoạt động thực tế tại các bộ phận đơn vị trong Tổng công ty, nhằm kiểm soát hoạt động của các đơn vị đảm bảo tuân theo quy định của Pháp luật cũng như định hướng của ĐHĐCĐ. Qua đó, kịp thời đưa ra các đề xuất, kiến nghị với HĐQT trong việc quản lý, điều hành và thực hiện các quy chế quản lý nội bộ.

3.2. Tham mưu, tư vấn cho HĐQT, Ban điều hành trong việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy định phù hợp với pháp luật hiện hành và quy mô phát triển của Tổng công ty. Chú trọng nâng cao chất lượng hiệu quả công tác quản trị điều hành.

(Trong năm Tổng công ty đã ban hành và sửa đổi các văn bản như: Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của BKS; Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế quản lý cán bộ; Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp; Quy chế huy động và sử dụng vốn; Quy chế quản lý người đại diện; Quy chế kiểm toán nội bộ... và các văn bản quản lý khác.)

3.3. Năm 2021, BKS thực hiện kiểm tra giám sát theo kế hoạch hoạt động của Ban, đồng thời phối hợp với Ban lãnh đạo và một số phòng ban nghiệp vụ của Tổng công ty thực hiện kiểm tra giám sát một số chuyên đề về công tác khoán quản trị chi phí, công tác quản lý vật tư, công tác thuê ngoài, công nợ phải thu của khách hàng.... Kiểm soát việc quản lý và sử dụng vốn tại văn phòng Tổng công ty và chi nhánh của Tổng công ty. Kiểm tra giám sát việc chấp hành của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty về các vấn đề trên tại các công ty con của Tổng công ty.

Nhìn chung các đơn vị đều thực hiện theo các quy chế mà Tổng công ty ban hành. Tuy nhiên còn một số thiếu sót, bất cập trong quản lý ở một vài đơn vị mà BKS đã có ý kiến trong biên bản làm việc đồng thời có văn bản gửi HĐQT và Ban lãnh đạo điều hành. Tổng giám đốc Tổng công ty đã có các chỉ thị chấn chỉnh các đơn vị khắc phục các thiếu sót, bất cập mà BKS đã nêu; HĐQT đã có ý kiến chỉ đạo bộ máy điều hành tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo thực hiện đúng các quy chế quản lý của Tổng công ty.

3.4. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của số liệu báo cáo tài chính trình ĐHCĐ thường niên theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Xem xét tính hợp lý của việc huy động, phân phối và sử dụng các nguồn lực như: Tài sản, vật tư, tiền vốn, tuyển dụng, sử dụng và chế độ của người lao động;

3.5. BKS đã thực hiện theo dõi danh sách cổ đông và người có liên quan của Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng giám đốc. Giám sát việc thực thi pháp luật, việc công bố thông tin. Xem xét thư quản lý của Công ty kiểm toán PKF và ý kiến phản hồi của Ban Giám đốc Tổng công ty.

3.6. Thực hiện việc báo cáo thường xuyên theo định kỳ và báo cáo đột xuất theo quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam kịp thời, đúng quy định.

4. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của BKS theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, Quy chế hoạt động của BKS và Kế hoạch hoạt

④ Ông: Lê Xuân Ngợi Thành viên

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát được quy định trong Điều lệ của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành của Pháp luật, các quy định của Tập đoàn TKV và của Tổng công ty.
- Làm việc với tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được phân công trong BKS. Trong năm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

II. THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Về thù lao của Ban kiểm soát:

Trong năm 2021, BKS được hưởng lương, thưởng và các quyền lợi khác theo cơ chế lương, thưởng, các chế độ phúc lợi khác theo quy định hiện hành của Tổng công ty và đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua. Trong đó, tiền lương thành viên BKS chuyên trách nằm trong quỹ tiền lương người quản lý và gắn với mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Thù lao được tính vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, cụ thể:

DVT: Đồng

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Lương Anh	Trưởng BKS	159.250.000		Đến ngày 22/4/2021
2	Lê Thị Thu Hiền	Trưởng BKS	377.650.000		Từ ngày 22/4/2021
3	Nguyễn Thị Lịch	UV BKS		60.000.000	
4	Lê Xuân Ngợi	UV BKS		60.000.000	

2. Về chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

BKS được Tổng công ty bố trí phương tiện đi lại và các chế độ khác theo quy định để thực hiện nhiệm vụ của mình tại các chi nhánh và công ty con (thông qua người đại diện phần vốn của Tổng công ty).

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG, TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

1. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2021	Thực hiện 2021	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Than nguyên khai	Tấn	1.340.000	1.283.851	95,81

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Nghị quyết ĐHCD 2021	Thực hiện 2021	Tỷ lệ TH/KH (%)
2	Bóc đất đá	m ³	11.400.000	11.816.163	103,65
3	Than sạch sản xuất	Tấn	1.516.000	1.563.834	103,16
4	Than tiêu thụ	Tấn	1.516.000	1.561.452	103,10
5	Vốn điều lệ	Tr.đ	1.050.000	1.050.000	100,00
6	Tổng doanh thu	Tr.đ	1.946.256	2.276.880	116,99
7	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	225.466	310.471	137,70
8	Nộp thuế TNDN	Tr.đ	44.838	58.733	130,99
9	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	180.628	251.738	139,37
10	Tỷ lệ trả cổ tức/VĐL	%	12	16	133,33
11	Đầu tư xây dựng	Tr.đ	157.418	163.693	103,99

Với tài liệu được cung cấp qua xem xét thẩm định và kết hợp với quá trình kiểm tra, giám sát, BKS Tổng công ty thống nhất đánh giá:

Năm 2021 Tổng công ty đã tập trung chỉ đạo các Công ty con và đơn vị trực thuộc tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp trong tổ chức sản xuất kinh doanh, đoàn kết nhất trí khắc phục mọi khó khăn, tập trung đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ, thực hành tiết kiệm chi phí, đảm bảo ổn định sản xuất, việc làm, thu nhập cho người lao động, Tổng công ty đã cơ bản hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về sản lượng và doanh thu, lợi nhuận so với Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021 giao.

❖ HĐQT, Tổng giám đốc đã nghiêm túc quán triệt, chấp hành, tuân thủ theo quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế của Tổng công ty. Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, đảm bảo hài hòa quyền lợi của người lao động và lợi ích của các cổ đông.

❖ BKS thống nhất với các báo cáo của HĐQT, báo cáo của Tổng giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông;

❖ HĐQT, Tổng giám đốc không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để trục lợi hoặc phục vụ lợi ích cá nhân, gia đình và người thân.

❖ Trong năm Tổng công ty đã nhận được một văn bản chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam về việc xem xét, giải quyết kiến nghị của cổ đông trong việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức tại Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc và Công ty cổ phần xi măng La Hiên (là công ty con của Tổng công ty). BKS đã

phối hợp với HĐQT, Ban lãnh đạo làm rõ nội dung trên báo cáo tới Tập đoàn và trả lời cổ đông.

Trong năm 2021, thông qua hoạt động giám sát của mình, BKS không nhận thấy dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. BKS cho rằng các hoạt động của Tổng công ty đã đảm bảo được việc phát triển an toàn, bền vững và tuân thủ theo đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông và HĐQT.

2. Kết quả thẩm định BCTC Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP năm 2021

2.1. Tình hình tài sản, nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2021 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TÀI SẢN	Công ty mẹ	Hợp nhất
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	708.165	1.021.666
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	116.367	239.045
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	145.000	157.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	280.093	367.930
IV. Hàng tồn kho	150.229	233.161
V. Tài sản ngắn hạn khác	16.476	24.530
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	1.485.454	2.656.307
I. Các khoản phải thu dài hạn	93.840	112.985
II. Tài sản cố định	366.243	1.930.591
1. TSCĐ hữu hình	359.745	1.903.219
2. TSCĐ vô hình	6.498	27.372
III. Bất động sản đầu tư	42.507	42.507
IV. Tài sản dở dang dài hạn	8.137	14.172
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	489.836	18.348
VI. Tài sản dài hạn khác	484.892	537.705
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.193.61	3.677.974

NGUỒN VỐN	Công ty mẹ	Hợp nhất
A. NỢ PHẢI TRẢ	618.138	1.684.254
I. Nợ ngắn hạn	310.183	1.106.212
II. Nợ dài hạn	307.956	578.043
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.575.481	1.993.719
I. Vốn chủ sở hữu	1.575.481	1.993.719
1. Vốn góp của chủ sở hữu	1.050.000	1.050.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	239
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	20.259
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	(13.978)
5. Quỹ đầu tư phát triển	164.155	185.943

NGUỒN VỐN	Công ty mẹ	Hợp nhất
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	361.326	414.699
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	109.588	126.862
- LNST chưa phân phối kỳ này	251.738	287.837
7.3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	336.558
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2.193.619	3.677.973

2.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty năm 2021

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	2020	2021	2020	2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.295.562	2.276.880	4.861.159	4.926.878
2. Các khoản giảm trừ	-	-	2.147	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.295.562	2.276.880	4.859.012	4.926.878
4. Giá vốn hàng bán	1.794.571	1.786.629	3.940.237	4.041.083
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp DV	500.991	490.251	918.775	885.795
6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.126	40.525	7.027	15.944
7. Chi phí tài chính	(14.021)	(11.292)	121.697	99.576
<i>Trong đó: Lãi vay phải trả</i>	24.021	26.683	115.522	93.481
8. Chi phí bán hàng	39.564	37.994	100.168	92.250
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	190.393	195.152	293.157	300.088
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	312.181	308.922	410.780	409.826
11. Thu nhập khác	7.399	3.223	9.058	6.822
12. Chi phí khác		1.674	5.453	3.164
13. Lợi nhuận khác	7.399	1.549	3.605	3.658
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	319.581	310.471	414.385	413.484
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	77.474	64.817	100.113	88.497
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(1.106)	(6.084)	(8.715)	(13.679)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	243.213	251.738	322.987	338.665
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		-	276.224	287.837
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			46.763	50.827
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) (đ/cp)	2.316	2.397	2.631	2.741
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*) (đ/cp)				

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

Doanh thu thuần hợp nhất toàn Tổng công ty năm 2021 đạt 4.927 tỷ đồng, tăng 1,3% so với thực hiện năm 2020. Lợi nhuận sau thuế đạt 338,7 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2020.

2.3. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Công ty mẹ		Hợp nhất	
			Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021
A	B		1	2	3	4
1	Hệ số về khả năng thanh toán					
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,08	2,28	0,81	0,92
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,67	1,75	0,59	0,69
2	Hệ số phản ánh cơ cấu nguồn vốn					
	- Hệ số nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	Lần	0,28	0,28	0,51	0,46
	- Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,38	0,39	1,02	0,84
3	Hệ số phản ánh cơ cấu tài sản					
	- Hệ số đầu tư ngắn hạn	Lần	0,35	0,32	0,26	0,28
	- Hệ số đầu tư dài hạn	Lần	0,65	0,68	0,74	0,72
4	Hệ số về hiệu quả sử dụng vốn					
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	16,53	15,98	16,20	16,99
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	11,94	11,48	8,66	9,21
	- Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu	%	21,82	21,53	18,90	17,98
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	%	10,59	11,06	6,65	6,87

Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và tài chính của Tổng công ty thể hiện sự ổn định và an toàn trong quản lý vốn và tài sản.

- ✓ Các hệ số về khả năng thanh toán đều được cải thiện đáng kể so với thời điểm cuối năm 2020. Hệ số thanh toán hiện hành tại thời điểm 31/12/2021 của Công ty mẹ là 2,28 cho thấy mức độ rất an toàn về khả năng thanh toán các nghĩa vụ ngắn hạn của Công ty mẹ. Tuy nhiên, hệ số thanh toán hiện hành hợp nhất chỉ đạt 0,92 (nhỏ hơn 1) đối với số liệu Hợp nhất cho thấy rủi ro mất thanh khoản đối với các khoản nợ đến hạn đang hiện hữu ở các công ty thành viên.
- ✓ Cơ cấu nguồn vốn của Công ty mẹ duy trì ổn định với tỷ lệ vốn chủ sở hữu chiếm 72%, nợ phải trả chiếm 28%. Trong khi đó, tỷ trọng nợ phải trả trên số liệu hợp nhất giảm còn 46% tại thời điểm cuối năm 2021 (so với mức 51% ở cuối năm 2020) do các công ty con giảm đáng kể dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn khi kết quả kinh doanh trong năm khả quan. Cơ cấu tài sản của công ty mẹ và hợp nhất duy trì ổn định.

- ✓ Về khả năng sinh lời: Hiệu quả sử dụng vốn tốt, tỷ suất ROE và ROA duy trì ở mức cao cho thấy hiệu quả kinh doanh trong năm của Tổng công ty được đảm bảo, điều đó sẽ thu hút được các nhà đầu tư và nâng cao vị thế cho doanh nghiệp trong thị trường chứng khoán. Mã cổ phiếu MVB của Tổng công ty cũng đang duy trì ở mức giá tốt.

Nhìn chung khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu tương đối tốt và ổn định. Tuy nhiên khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu phụ thuộc vào hệ số tài sản trên vốn chủ sở hữu và khả năng sinh lời của tổng tài sản. Do vậy, để tăng khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu được tốt hơn nữa, Tổng công ty cần tìm biện pháp để tăng hệ số tài sản trên vốn chủ sở hữu và tăng khả năng sinh lời của tài sản bằng giải pháp: giảm hàng tồn kho (chi phí SXKD dở dang) và công nợ phải thu nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2.4. Cơ cấu sở hữu cổ phần tại ngày 31/12/2021

Vốn điều lệ của Tổng công ty là 1.050 tỷ đồng được chia thành 105.000.000 cổ phần. Trong đó:

- + Tập đoàn CN Than Khoáng sản Việt Nam: 103.104.100cp bằng 98,19%
- + Các cổ đông khác: 1.895.900cp bằng 1,81%

3. Ý kiến thẩm định của Ban kiểm soát:

Trên cơ sở thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty mẹ và hợp nhất Tổng công ty, BKS Tổng công ty thống nhất xác nhận số liệu Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF. Theo ý kiến đánh giá của Ban kiểm soát Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc:

- Đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty mẹ, hợp nhất Tổng công ty vào ngày 31/12/2021, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Tổng công ty đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ về thuế đối với nhà nước;
- Tổng công ty thực hiện trích nộp BHXH, BHYT, KPCĐ kịp thời và đúng hạn cho 100% CBCNV đã ký hợp đồng lao động;
- Tổ chức bộ máy kế toán của công ty mẹ được thực hiện tập trung đảm bảo phù hợp với qui trình tổ chức sản xuất và quản lý của Tổng công ty;
- Chứng từ, sổ sách kế toán được ghi chép, hạch toán tuân thủ theo chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và phù hợp với chuẩn mực kế toán hiện hành.
- Quản lý tốt tiền vốn, tài sản của Tổng công ty; nguồn vốn được bảo toàn và tăng trưởng, sử dụng đồng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt chi phí tài chính góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty, cải thiện hệ số nợ phải trả trên vốn chủ, hệ số khả năng thanh toán và công nợ phải thu của khách hàng đạt vượt mức kế hoạch giao.

Trên đây là kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 của Ban kiểm soát Tổng công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông để xem xét thông qua./.

IV. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty.

Qua kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, BKS nhận thấy HĐQT và Tổng giám đốc đã chỉ đạo hoạt động của Tổng công ty đúng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của pháp luật và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đã thực hiện nghiêm các chế độ chính sách quy định của pháp luật.

1. Về hoạt động quản lý điều hành của HĐQT Tổng công ty.

HĐQT đã thể hiện rõ chức năng nhiệm vụ trong công tác định hướng, chỉ đạo quản lý tổng công ty trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT. HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, minh bạch thực hiện việc quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích cho Tổng công ty và các cổ đông thể hiện qua các nội dung như sau:

- Năm 2021, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng tháng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty. Các cuộc họp đều do Chủ tịch HĐQT chủ trì, thảo luận đảm bảo tính nghiêm túc và trách nhiệm. Các thành viên HĐQT tham gia các cuộc họp đầy đủ và có tinh thần trách nhiệm cao đối với việc tham gia ý kiến về các nội dung họp. Các cuộc họp đều được ghi nhận vào Biên bản và ban hành Nghị quyết triển khai thực hiện;
- Trong năm, HĐQT đã triển khai 48 cuộc họp, ban hành 149 nghị quyết, 88 quyết định chỉ đạo các nội dung thuộc chức trách và nhiệm vụ của HĐQT để triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, bám sát nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021;
- Bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các quy chế nội bộ để làm cơ sở cho hoạt động của Tổng công ty ngày càng rõ ràng, minh bạch; Tăng cường giám sát quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty thông qua người đại diện của Tổng công ty tại các doanh nghiệp đó;
- HĐQT luôn thể hiện vai trò, trách nhiệm của mình trong việc giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý, điều hành khác trong việc thực thi nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ thông qua, bám sát chiến lược của Tổng công ty, đồng thời đánh giá, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc;
- HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, pháp luật Nhà nước và đưa ra các giải pháp hữu hiệu giúp Tổng công ty vượt qua những khó khăn, đặc biệt trong tình hình dịch bệnh hết sức phức tạp trong nước và trên toàn cầu để hoàn thành kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

2. Về công tác tổ chức thực hiện của Ban giám đốc Tổng công ty:

Năm 2021 là năm chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của nước ta kể từ khi đại dịch COVID-19 bùng phát đến nay. Thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 15, 16 của Chính phủ đều đó cũng đã phần nào ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị và lĩnh vực giám sát, điều hành của Tổng công ty. Ban lãnh đạo đã chỉ đạo các đơn vị quyết liệt triển khai các giải pháp để kiểm soát, phòng, chống dịch bệnh; đồng thời tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp trong tổ chức sản xuất kinh doanh, cùng đồng tâm đoàn kết khắc phục mọi khó khăn đẩy mạnh nhịp độ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, cụ thể:

- Ban Tổng giám đốc luôn có những chỉ đạo sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản; sử dụng vốn đúng mục đích trong sản xuất kinh doanh; tuân thủ các quy định của pháp luật trong kinh doanh, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định; quản lý chặt chẽ tài sản và nguồn vốn của Tổng công ty; đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.
- Kịp thời đề xuất với HĐQT những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Tổng công ty. Chủ động xây dựng và ban hành các văn bản quản lý khác trong Tổng công ty thuộc thẩm quyền. Điều hành công việc sản xuất kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà Nước. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Nội quy, Quy chế lao động được thực hiện nghiêm túc.
- Thực hiện tốt thỏa ước lao động và hợp đồng lao động đã ký. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt cán bộ cũng như công tác khen thưởng, kỷ luật và luân chuyển cán bộ đều được thực hiện dân chủ công khai và minh bạch. Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng và các chế độ khác đều được thực hiện đúng chế độ, đúng quy định đảm bảo ổn định việc làm, thu nhập cho người lao động.
- Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn với Tổng công ty và giữa Tổng công ty với các đơn vị thành viên. Năm 2021 cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật mà Nghị quyết ĐHĐCĐ Tổng công ty đề ra.

V. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

- Giữa BKS, HĐQT và Ban điều hành Công ty đã duy trì được mối quan hệ trong công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Tổng công ty và quyền lợi của các cổ đông; luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ.

- Trong năm 2021, HĐQT cùng Ban lãnh đạo điều hành và các cán bộ quản lý của các phòng ban chức năng trong Tổng công ty đã tạo điều kiện cho BKS trong việc thu thập các thông tin, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của BKS.

- Những ý kiến, kiến nghị của các cổ đông cũng đã được Tổng công ty giải đáp và trả lời thấu đáo, đúng quy định.

- BKS thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty đúng với các quy định hiện hành, đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.

VI. Kiến nghị của Ban kiểm soát

Năm 2022 đại dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến hết sức phức tạp làm ảnh hưởng lớn đến các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Sự bùng phát nhanh chóng của dịch bệnh trên toàn cầu và chưa dừng lại cũng sẽ là rủi ro hết sức nguy hiểm đối với sự phát triển của toàn nền kinh tế. Bên cạnh đó tình hình xung đột giữa Nga - Ukraine và vấn đề chính trị càng làm gia tăng tính bất ổn của hệ thống kinh tế, thương mại, tài chính toàn cầu. Nền kinh tế trong nước cũng vì thế mà tăng trưởng chậm lại do ảnh hưởng của chuỗi sản xuất và cung ứng.

Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc cũng phải đối mặt với nhiều thách thức rất lớn. Bên cạnh đó cổ phiếu Tổng công ty đã được thực hiện niêm yết và giao dịch trên sàn chứng khoán Hà Nội, bởi vậy để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2022 đảm bảo các mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã đề ra, tạo được giá trị cổ phiếu trên sàn, đem lại lợi ích cho cổ đông. BKS đề nghị bộ máy điều hành Tổng công ty cần quan tâm một số nội dung sau:

✓ Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị trong Tổng công ty thực hiện hoạt động SXKD “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19” theo tinh thần Nghị quyết của Chính phủ với mục tiêu vừa phát triển kinh tế vừa kiểm soát được dịch bệnh. Nâng cao ý thức của các cá nhân và tập thể trong phòng chống dịch bệnh để đảm bảo duy trì mọi hoạt động trong SXKD của các đơn vị.

✓ Điều hành sản xuất một cách linh hoạt và thích ứng với tình hình sản xuất kinh doanh chung của ngành Than - Khoáng sản, đảm bảo sản xuất phù hợp với tiến độ tiêu thụ và không để tồn kho sản phẩm lớn. Nghiên cứu, áp dụng các giải pháp hợp lý hóa sản xuất, nâng cao năng suất lao động.

✓ Tăng cường công tác quản trị chi phí, quản lý tài chính và quản trị rủi ro trong kinh doanh nhất là công tác quản lý công nợ phải thu khách hàng ở các đơn vị sản xuất xi măng và kinh doanh thương mại để đảm bảo không mất vốn.

✓ Rà soát và hoàn tất các hồ sơ pháp lý trong công tác bảo vệ môi trường theo quy định, thực hiện nghiêm túc các giải pháp bảo vệ môi trường đã cam kết trong ĐTM được duyệt; Vận hành tốt các công trình bảo vệ môi trường không để xảy ra các sự cố môi trường.

✓ Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản, gianh giới mỏ; công tác quản lý đất đai; bảo vệ môi trường. Thực hiện nghiêm túc, đúng quy định về khai thác khoáng sản theo giấy phép được cấp và pháp luật Nhà nước. Nâng cao nhận thức của toàn thể CBCNV trong việc thực thi pháp luật, tránh gian lận thương mại trong hoạt động kinh doanh.

✓ Tăng cường công tác quản lý, giám sát; nâng cao ý thức, trách nhiệm và kỷ luật trong việc thực hiện nội quy an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ. Thực hiện đúng quy trình sản xuất, vận hành thiết bị bảo đảm sản xuất an toàn, hiệu quả tránh để xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng trong mọi hoạt động của Tổng công ty.

✓ Sau khi đại hội cổ đông thông qua quyết toán tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2021. Đề nghị Tổng công ty phối hợp với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tiến hành chi trả cổ tức cho các cổ đông theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua.

VII. Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2022

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của BKS và kế hoạch SXKD của Tổng công ty trong năm 2022. BKS đề ra hoạt động năm 2022 như sau:

1.1. Thực hiện kế hoạch hoạt động kiểm tra, giám sát theo định kỳ hàng tháng, quý của BKS đã được xây dựng từ đầu năm;

1.2. Giám sát việc chấp hành Điều lệ Tổng công ty, Pháp luật Nhà nước và việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;

1.3. Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo tài chính năm của Tổng công ty; soát xét số liệu hàng tháng/quý đối với một số khoản mục có ảnh hưởng lớn tới kết quả tài chính như: Các khoản đầu tư góp vốn, liên doanh, liên kết của Tổng công ty, các khoản đầu tư mua sắm tài sản và dự phòng rủi ro;

1.4. Phối hợp với HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu và quản lý phần vốn của Tổng công ty đầu tư vào các công ty con và doanh nghiệp khác. Tham gia với HĐQT, Ban điều hành trong việc thảo luận nội dung chỉ tiêu, cụ thể hoá Nghị quyết ĐHĐCĐ để đề ra các Nghị quyết thường kỳ;

1.5. Thực hiện thiết lập các báo cáo giám sát tới các chi nhánh và công ty con nhằm cung cấp các thông tin quản trị kịp thời; tập trung nhận diện các đơn vị kinh doanh tiềm ẩn rủi ro, tăng cường biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;

1.6. Giám sát việc thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2021-2025 của HĐQT khi được tập đoàn TKV thông qua.

1.7. Phối hợp với các đoàn kiểm tra của Tổng công ty triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị trong việc thực hiện Quy chế quản trị công ty mẹ - công ty con và các quy định khác của Tổng công ty;

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động trong năm 2021 và phương hướng hoạt động trong năm 2022 của Ban kiểm soát. Rất mong được sự tham gia góp ý của quý vị cổ đông để hoạt động của Ban kiểm soát ngày càng tốt hơn.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, Ban KS (e);
- Tổng GD, các Phó TGD (e);
- Các đơn vị, các phòng Tcty (e);
- Lưu: VT, Thư ký TCT, BKS (H.03)

gy

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Thị Thu Hiền

Số **0078**/TTr – HĐQT

Hà Nội, ngày **31** tháng **3** năm 2022

TỜ TRÌNH

**Về việc chi trả thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021
và kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP (sửa đổi) ban hành theo quyết định số 106/QĐ – HĐQT ngày 22/4/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Căn cứ nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP ngày 22/4/2021.

Hội đồng quản trị Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua mức thù lao của HĐQT, BKS như sau:

1. Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021:

TT	Chức danh	Số người	Mức trả 01 tháng theo NQ ĐHĐCĐ	Số tháng	Tổng số tiền thù lao năm 2021 (đ)
I	Hội đồng quản trị				
1	Chủ tịch HĐQT	1	6 200 000	12	74 400 000
2	Thành viên HĐQT	3	5 400 000	12	194 400 000
II	Ban kiểm soát				
1	Kiểm soát viên	2	5 000 000	12	120 000 000
	Tổng cộng				388 800 000

* Ghi chú: Tổng công ty có 01 Thành viên HĐQT và Trưởng ban kiểm soát hoạt động chuyên trách.

2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022:

TT	Chức danh	Số người	Mức trả 01 tháng theo NQ ĐHĐCĐ	Số tháng	Tổng số tiền thù lao năm 2022 (đ)
I	Hội đồng quản trị				
1	Chủ tịch HĐQT	1	6 200 000	12	74 400 000
2	Thành viên HĐQT	3	5 400 000	12	194 400 000
II	Ban kiểm soát				
1	Kiểm soát viên	2	5 000 000	12	120 000 000
	Tổng cộng				388 800 000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, TGD, PTGD (e);
- Ban Kiểm soát (e);
- Các đơn vị trực thuộc, các phòng Tcty (e);
- Lưu: VT, TCNS, Thư ký TCT

Cy



Số: **0079** /TTr – HDQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v các hợp đồng giao dịch giữa Tổng công ty với doanh nghiệp và người có liên quan năm 2022

Kính gửi:

- Các quý vị cổ đông;
- Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP

Căn cứ điều 167 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ khoản 3 điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán”;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP (sửa đổi) được ban hành theo Quyết định số 106/QĐ-HDQT ngày 22/4/2021.

Hiện nay Ông Lê Quang Bình Trưởng ban – Thành viên Ban quản lý vốn của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam là người đại diện phần vốn của TKV tham gia HDQT và giữ chức vụ Chủ tịch HDQT Tổng công, đồng thời Ông Lê Quang Bình còn giữ chức vụ Chủ tịch HDQT Công ty Địa chất Việt Bắc – TKV.

HDQT đề nghị các Quý vị Cổ đông xem xét thông qua chủ trương để Tổng công ty ký và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP với các doanh nghiệp và người có liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Tổng công ty cụ thể như sau:

TT	Tên doanh nghiệp/ Người có liên quan	Mối quan hệ với Tổng công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực giao kết
1	-Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	Cổ đông lớn	Số 226 Lê Duẩn, P.Trung Phụng, Q.Đống Đa, Hà Nội	- HĐ khai thác, sàng tuyển chế biến than năm 2022 - HĐ dịch vụ giao nhận than năm 2022 - HĐ mua bán than năm 2022

	-Công ty kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin		Số 604 Đường Lý Thường Kiệt, Cửa Ông, Cẩm Phả, Quảng Ninh	- HĐ mua bán than năm 2022
2	Công ty CP Địa chất Việt Bắc – TKV. (Ông Lê Quang Bình Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP đồng thời chủ tịch Công ty Địa chất mỏ Việt Bắc – TKV)	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Số 65 P. An Trạch, Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội	- HĐ khoan thăm dò khai thác năm 2022
3	Công ty cổ phần xi măng La Hiên	Công ty con		Hợp đồng mua bán đá sau tuyển nước để sản xuất xi măng ký với Công ty Than Khánh Hòa - VVMI
4	Công ty Cổ phần xi măng Quán Triều VVMI	Công ty con		Hợp đồng mua than ký với Tổng công ty, Hợp đồng mua bán đá vôi sản xuất xi măng ký với Công ty than Khánh Hòa VVI, Hợp đồng mua vỏ bao xi măng ký với Công ty than Núi Hồng VVMI
5	Công ty Cổ phần xi măng Tân Quang	Công ty con		Hợp đồng mua bán than với Tổng công ty, Hợp đồng mua đá thải sau tuyển nước với Công ty Than Khánh Hòa, Hợp đồng mua vỏ bao xi măng với Công ty than

				Núi Hồng.
6	Công ty Cơ khí mỏ Việt Bắc VVMII	Công ty con		Các đơn vị sản xuất than của Tổng công ty ký hợp đồng sửa chữa thị bị

HĐQT Tổng công ty kính đề nghị các Quý vị cổ đông của Tổng công ty xem xét thông qua và giao cho Tổng giám đốc điều hành Tổng công ty ký kết, tổ chức thực hiện các Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với các Doanh nghiệp và người có liên quan nêu trên theo đúng quy định pháp luật. Về thời gian thực hiện các hợp đồng, giao dịch kể từ ngày 01/01/2022 đến khi có thay đổi khác.

Hội đồng Quản trị Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP trân trọng đề nghị Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty xem xét thông qua các nội dung trên để Tổng công ty thực hiện theo đúng quy định ✓

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- Thành viên HĐQT, BKS (e);
- Lưu: VT, Thư ký Tổng công ty.

gy



Lê Quang Bình

Số: 11/TTr-BKS

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC Công ty mẹ và báo cáo hợp nhất Tổng công ty Năm 2022

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59 /2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP sửa đổi ngày 22 tháng 4 năm 2021;

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát Tổng Công ty xin báo cáo trước Đại hội về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của công ty mẹ và báo cáo hợp nhất Tổng công ty:

1. Đề xuất danh sách công ty kiểm toán

Để đảm bảo lựa chọn được công ty kiểm toán độc lập có uy tín, chất lượng, giá cả cạnh tranh. Thực hiện kiểm toán /Soát xét báo cáo tài chính của công ty mẹ và Hợp nhất Tổng công ty.

Ban Kiểm soát xin đề xuất danh sách công ty kiểm toán như sau :

- ① Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC
- ② Công ty TNHH PKF Việt Nam
- ③ Công ty TNHH kiểm toán BDO
- ④ Công ty TNHH kiểm toán VaCo
- ⑤ Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC

Lý do lựa chọn:

- Là những công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022.

- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với công ty đại chúng quy mô lớn tại Việt Nam;

- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;

- Đội ngũ kiểm toán có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;

- Đáp ứng được yêu cầu của Tổng công ty Công Nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV-CTCP về phạm vi, tiến độ kiểm toán.

Số: 02/2022/QC - ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

**QUY CHẾ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT, BKS
NHIỆM KỲ 2020 – 2025 TẠI ĐHĐCĐ NĂM 2022**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP (sửa đổi) ban hành theo quyết định số 106/QĐ – HĐQT ngày 22/4/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Quy chế bầu cử Thành viên HĐQT độc lập, Thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được thực hiện với các quy định sau:

Điều 1. Nguyên tắc và đối tượng bầu cử:

1. Nguyên tắc bầu cử: Việc bầu cử Thành viên HĐQT độc lập, Thành viên BKS Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) được thực hiện theo nguyên tắc:

- Bầu cử công khai, trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín;
- Việc bầu cử Thành viên HĐQT độc lập, Thành viên BKS Tổng công ty được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3, Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020.

2. Đối tượng có quyền bầu cử: Là tất cả các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu) của một hoặc nhóm cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 21/3/2022 của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

3. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm chủ trì bầu Thành viên độc lập HĐQT, Thành viên BKS với nhiệm vụ cụ thể:

- Tổng hợp, lập danh sách những người ứng cử và đề cử vào HĐQT, BKS để thông qua tại Đại hội;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về bầu cử Thành viên độc lập HĐQT, Thành viên BKS (nếu có).

Điều 2. Số lượng, tiêu chuẩn Thành viên HĐQT độc lập:

1. Số lượng Thành viên HĐQT độc lập được bầu là 01 thành viên.
2. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liên trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liên trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 3. Số lượng, tiêu chuẩn Thành viên Ban kiểm soát:

1. Số lượng Thành viên Ban kiểm soát được bầu là 01 thành viên.

2. Nhiệm kỳ Ban kiểm soát là 05 (năm) năm; các Thành viên BKS có thể được bầu lại với số lần không hạn chế.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên BKS (Kiểm soát viên): Tiêu chuẩn Kiểm soát viên theo khoản khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.

e) Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định trên, Kiểm soát viên Tổng công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Tổng công ty.

Điều 4. Điều kiện ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát:

1. Trước cuộc họp Đại hội, các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm đề cử ứng viên cho các vị trí Thành viên HĐQT độc lập, Thành viên BKS.

2. Việc đề cử ứng viên cho các vị trí Thành viên HĐQT độc lập, Thành viên BKS được quy định như sau:

- Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ ba (03) ứng viên.

- Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu là Thành viên Ban kiểm soát theo khoản 1, Điều 36 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 5. Cách thức giới thiệu, bầu Thành viên HĐQT độc lập, Thành viên BKS

1. Danh sách ứng viên được đề cử hoặc ứng cử vào HĐQT, BKS (kèm theo lý lịch, thông tin) phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Tổng công ty, địa điểm nơi tổ chức Đại hội và đăng trên website Tổng công ty.

2. Việc bầu Thành viên HĐQT độc lập, Thành viên BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bổ đồng đều.

3. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Tổng công ty.

5. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

6. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Ban kiểm soát, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

7. Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
- Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
- Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

8. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn Thành viên HĐQT độc lập, Thành viên BKS

9. Trong trường hợp phải lựa chọn một (01) trong hai (02) ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa quyết định theo một phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.

10. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 6. Ghi phiếu bầu cử và kiểm phiếu:

1. Cách ghi phiếu bầu cử: Bầu bằng phương pháp ghi số cổ phần cho số ứng cử viên mà mình lựa chọn. Cổ đông/đại diện ủy quyền cổ đông tiến hành chọn ứng cử viên bằng cách ghi trực tiếp số phiếu bầu của mình cho từng ứng cử viên tại cột “Số phiếu biểu quyết”. Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông. Số phiếu bầu cho từng ứng cử viên có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông/đại diện cổ đông đối với mỗi ứng cử viên.

Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A biểu quyết chọn 01 Thành viên BKS trong tổng số 03 ứng viên. Quý cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và ủy quyền) 1000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A là: $(1000 \times 3) = 3000$ phiếu bầu.

- Trường hợp 1: Cổ đông Nguyễn Văn A chia đều số phiếu bầu của mình cho 03 ứng viên (tương đương mỗi ứng cử viên nhận được 1000 phiếu bầu)

TT	Danh sách ứng viên	Số phiếu biểu quyết
1	Ứng viên A	1000
2	Ứng viên B	1000
3	Ứng viên C	1000
	Tổng cộng	3000

- Trường hợp 2: Cổ đông Nguyễn Văn A dồn hết số phiếu bầu của mình cho 01 ứng viên (trường hợp dồn hết cho ứng viên B)

TT	Danh sách ứng viên	Số phiếu biểu quyết
1	Ứng viên A	0
2	Ứng viên B	3000
3	Ứng viên C	0
	Tổng cộng	3000

- Trường hợp 3: Cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu bầu của mình cho 03 ứng viên (nhưng không đều nhau)

TT	Danh sách ứng viên	Số phiếu biểu quyết
1	Ứng viên A	1000
2	Ứng viên B	500
3	Ứng viên C	1500
	Tổng cộng	3000

- Trường hợp 4: Cổ đông Nguyễn Văn A chia phiếu bầu của mình cho vài ứng viên (chia phiếu bầu cho ứng viên B và ứng viên C)

TT	Danh sách ứng viên	Số phiếu biểu quyết
1	Ứng viên A	0
2	Ứng viên B	1000
3	Ứng viên C	2000
	Tổng cộng	3000

- Cổ đông/đại diện ủy quyền cổ đông có thể lựa chọn một trong 4 phương thức trên và phương thức khác phù hợp theo quy định để thực hiện bầu.

- Trên mỗi phiếu bầu đều có danh sách các ứng cử viên. Cổ đông/đại diện ủy quyền cổ đông sẽ lựa chọn các ứng cử viên mà mình tin nhiệm để bầu. Trong trường hợp viết sai Cổ đông/đại diện ủy quyền cổ đông không được tẩy xóa mà phải yêu cầu Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu đổi lại phiếu mới.

2. Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định sau:

- Việc kiểm phiếu được Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu tiến hành ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc và được tiến hành ở phòng riêng có sự giám sát của đại diện cổ đông và/hoặc Chủ tọa Đại hội;

- Kiểm tra tính hợp lệ của các Phiếu bầu cử và ghi kết quả kiểm phiếu;

- Niêm phong toàn bộ các Phiếu bầu cử, bàn giao lại cho Ban kiểm soát Tổng công ty ngay sau khi Đại hội bế mạc.

3. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

- Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu. Trưởng Ban bầu cử đọc Biên bản kiểm phiếu trước Đại hội.

- Mọi công việc kiểm tra, lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban bầu cử làm việc trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Điều 7. Khiếu nại về bầu cử và kiểm phiếu:

1. Mọi cổ đông dự họp Đại hội đều có quyền chất vấn trước Đại hội về các vấn đề liên quan đến việc bầu Thành viên Ban kiểm soát.

Mọi khiếu nại và bầu kết quả bổ sung đều phải được xem xét và giải quyết ngay tại Đại hội. Trường hợp có khiếu nại, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

2. Mọi khiếu nại về bầu cử, kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội.

Điều 8. Hiệu lực quy chế:

Quy chế này có hiệu lực thi hành đối với tất cả cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 và Ban tổ chức Đại hội kể từ thời điểm Đại hội thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, Ban KS (egov);
- Tổng GD, Phòng TCNS (egov);
- CPV đăng trên website (egov);
- Lưu: VT, HĐQT. (T.02)

4

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Quang Bình



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: Nguyễn Anh Tuấn
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 23/09/1964
4. Nơi sinh: Nghệ An
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Nhà số 11A- ngõ 639/39/16 Hoàng Hoa Thám- Phường Vĩnh Phúc- Ba Đình- Hà Nội
7. Thẻ căn cước số: 040064022169; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH; Ngày cấp: 10/07/2021
8. Điện thoại liên hệ: Di động: 0913.026899
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cao cấp chính trị.
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP: Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên Ban kiểm soát- Công ty cổ phần Than Điện Nông Sơn
12. Số cổ phần MVB nắm giữ: 2.900 cổ phần
13. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/1985-03/1993	Xí nghiệp Vật tư vận tải & Chế biến Than	Cán bộ kế toán
04/1993 -06/2000	Xí nghiệp Vật tư vận tải & Chế biến Than	Kế toán trưởng
07/2000 -12/2002	Công ty Than Nội Địa	Phó phòng kế toán
01/2003 -08/2003	Công ty Than Nội Địa	Phó phòng KTKH
09/2003 -12/2006	Công ty Than Nội Địa	Trưởng phòng KTKH

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2007 -12/2010	Công ty TNHH MTV Công nghiệp mỏ Việt Bắc - TKV	Trưởng phòng KTKH
01/2011 -09/2015	Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc - Vinacomin;	Trưởng phòng KTKH
10/2015- nay	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	Trưởng phòng KTKH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: Phạm Văn Lỗ
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 05/3/1957
4. Nơi sinh: Mộc Nam, Duy Tiên, Hà Nam
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 46 ngách 180/84 phố Nguyễn Lương Bằng- Phường Quang Trung- Quận Đống Đa- Thành phố Hà Nội.
7. Thẻ căn cước số: 035057009089; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH; Ngày cấp: 10/7/2021
8. Điện thoại liên hệ: Di động: 0904467655
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác Mỏ
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP: Không
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Số cổ phần MVB nắm giữ: 3.300 cổ phần
13. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/1981 - 6/1982	Mỏ than Núi Hồng	Tập sự tại phân xưởng khai thác
7/1982 - 10/1983	Mỏ Than Núi Hồng	Kỹ sư phòng kỹ thuật
10/1983 - 7/1986	Mỏ than Núi Hồng	Phó phòng kỹ thuật
08/1986- 3/1987	Mỏ than Núi Hồng	Phụ trách phòng kỹ thuật
4/1987 – 3/1993	Mỏ Than Núi Hồng	Trợ lý Giám đốc- Trưởng phòng kỹ thuật - Địa chất - Trắc địa

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
4/1993-4/1995	Mỏ Than Núi Hồng	Quản đốc phân xưởng khai thác
05/1995 -3/1998	Công ty Than Nội Địa	Kỹ sư phòng kỹ thuật công nghệ lộ thiên
04/1998-12/2005	Xí nghiệp xây dựng và KTKS	Phó giám đốc
1/2006-12/20106	Công ty TNHH một thành viên Than Nội Địa	Trưởng phòng kỹ thuật Than
01/2007-12/2010	Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp mỏ Việt Bắc - TKV	Trưởng phòng kỹ thuật Than
01/2011-09/2015	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc- Vinacomin	Trưởng phòng kỹ thuật Than
10/2015-03/2017	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	Trưởng phòng kỹ thuật Than
04/2017- nay	Nghỉ hưu	

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
MỎ VIỆT BẮC TKV- CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số **0097**/TTr – HĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc đề cử thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 và kế hoạch chi trả phụ cấp thành viên độc lập HĐQT năm 2022.

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP (sửa đổi) ban hành theo quyết định số 106/QĐ – HĐQT ngày 22/4/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 0096/NQ-HĐQT ngày 18/4/2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

Hội đồng quản trị Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 xem xét nội dung sau:

1. Đề cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tổng công ty nhiệm kỳ 2020-2025:

Ngày 4/4/2022, TKV có quyết định số 521/QĐ-TKV về việc thay đổi Người đại diện của TKV tham gia Hội đồng quản trị Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP. Theo đó, ông Trần Hải Bình – Trưởng ban Khoáng sản và Hóa chất TKV thôi là Người đại diện của TKV, thôi tham gia Hội đồng quản trị và từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP. Như vậy, Hội đồng quản trị Tổng công ty còn 04 thành viên và đều là người đại diện của TKV.

Hiện nay, Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam nắm giữ 98,19% cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty và không đề cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị; Số cổ đông còn lại sở hữu không đủ 10% tổng số cổ phần phổ thông nên không đủ điều kiện để đề cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. Như vậy, theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, quyền đề cử ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị Tổng công ty đề cử.

Căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP thống nhất đề cử ông Phạm Văn Lỗ ứng cử thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty nhiệm kỳ 2020-2025 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Lý lịch trích ngang của ông Phạm Văn Lỗ như sau:

- Sinh ngày 05/3/1957 tại Mộc Nam, Duy Tiên, Hà Nam.
- Địa chỉ thường trú tại Số 46 ngách 180/84 phố Nguyễn Lương Bằng- Phường Quang Trung- Quận Đống Đa- Thành phố Hà Nội;
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác Mỏ
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 02/1981 đến tháng 6/1982: Tập sự tại phân xưởng khai thác mỏ than Núi Hồng
 - + Từ tháng 7/1982 đến tháng 10/1983: Kỹ sư phòng kỹ thuật mỏ Than Núi Hồng
 - + Từ tháng 10/1983 đến tháng 7/1986: Phó phòng kỹ thuật mỏ than Núi Hồng
 - + Từ tháng 08/1986 đến tháng 3/1987: Phụ trách phòng kỹ thuật Mỏ Than Núi Hồng
 - + Từ tháng 4/1987 đến tháng 4/1995: Trợ lý Giám đốc- Trưởng phòng kỹ thuật - Địa chất - Trắc địa - Mỏ Than Núi Hồng
 - + Từ tháng 05/1995 đến tháng 3/1998: Kỹ sư phòng kỹ thuật công nghệ lộ thiên - Công ty Than Nội Địa
 - + Từ tháng 04/1998 đến tháng 12/2005: Phó giám đốc Xí nghiệp xây dựng và khai thác khoáng sản
 - + Từ tháng 01/2006 đến tháng 03/2017: Trưởng phòng Kỹ thuật Mỏ Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP.
 - + Từ tháng 4/2017-nay: Nghỉ hưu

Hội đồng quản trị Tổng công ty cam đoan ông Phạm Văn Lỗ có đủ điều kiện được đề cử vào vị trí thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tổng công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty.

2. Kế hoạch chi trả phụ cấp cho thành viên độc lập HĐQT năm 2022:

Đề nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Tổng công ty thông qua kế hoạch chi trả phụ cấp cho Thành viên độc lập HĐQT năm 2022 là 27.000.000 đồng/tháng.

Tùy theo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 của Tổng công ty sẽ xem xét chi trả phụ cấp cho thành viên độc lập HĐQT tương đương với mức tiền lương của thành viên HĐQT chuyên trách.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, TGD, PTGD (e);
- Ban Kiểm soát (e);
- Các đơn vị trực thuộc, các phòng Tcty (e);
- Lưu: VT, TCNS, Thư ký TCT



Lê Quang Bình